

Kinh tế vĩ mô 2 tháng đầu năm 2023: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Các nền kinh tế đầu tàu đón nhận các diễn biến kinh tế tích cực;
- Giá cả hàng hóa thế giới đã có diễn biến giảm ở nhiều nhóm hàng quan trọng, giá bình quân nhóm hàng năng lượng giảm hơn 15%;
- Thị trường ngoại hối đã chứng kiến diễn biến tăng trở lại của đồng USD;
- Giá vàng có diễn biến trái chiều qua các tháng giao dịch. Tính chung 2 tháng, giá vàng giao ngay đã tăng nhẹ 0,15% so với cuối năm 2022;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu có diễn biến tích cực. Chỉ số MSCI ACWI chốt phiên giao dịch cuối tháng 2 đã tăng 3,91% so với cuối năm 2022 đạt 629,02 điểm.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Sản xuất công nghiệp có diễn biến giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đã có tín hiệu cải thiện trong tháng 2, đạt 51,2 điểm;
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN đạt 56,9 nghìn tỷ đồng, tăng 18,3% so với cùng kỳ năm trước; Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đạt 3,1 tỷ USD, giảm 38% so với cùng kỳ năm trước;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tiếp tục tăng, đạt 994,2 nghìn tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước;
- Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giảm so với cùng kỳ năm trước; Cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 2,82 tỷ USD;
- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 2 tháng đầu năm tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước;
- Lãi suất huy động bình quân đã giảm nhẹ, lãi suất liên ngân hàng đã có tín hiệu giảm trong tháng 2;
- Tỷ giá USD/VND có diễn biến phù hợp; Giá vàng trong nước có diễn biến cùng xu hướng với quốc tế nhưng mức độ biến động thấp hơn đáng kể;
- Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng 1,7% so với cuối năm ngoái, kết thúc tháng 2, VN-Index đạt 1.024,68 điểm.

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

Kinh tế Mỹ ghi nhận những tín hiệu tốt lên

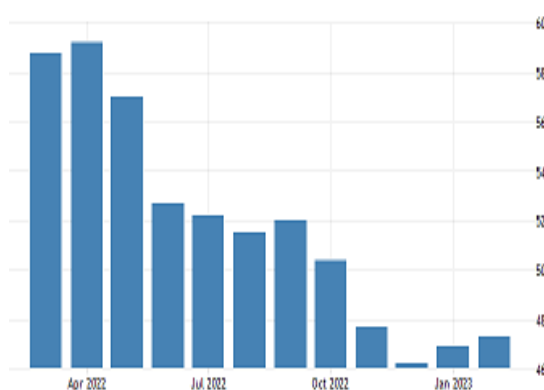
Kinh tế Mỹ đã tăng trưởng 2,1% trong năm 2022 – giảm hơn một nửa so với mức tăng trưởng của năm 2021. Nền kinh tế đã có xu hướng tăng trở lại vào hai quý cuối năm, trong đó GDP quý IV tăng 2,7% so với cùng kỳ - cao hơn mức dự báo của thị trường. Trong năm 2022, tăng trưởng kinh tế Mỹ đã chứng kiến sự đóng góp tích cực của tiêu dùng, thương mại, đầu tư của tư nhân và nước ngoài.

Trong 2 tháng đầu năm 2023, kinh tế Mỹ có diễn biến tăng tích cực mặc dù lạm phát vẫn còn cao hơn nhiều so với mục tiêu 2%, đáng chú ý nhất là đã phục hồi trong lĩnh vực dịch vụ. Cụ thể chỉ số PMI trong lĩnh vực này đã duy trì được đà tăng trong 03 tháng liên tiếp và đã quay trở lại ngưỡng mở rộng sau 07 tháng thu hẹp liên tiếp, chỉ số PMI tháng 2 đạt 50,6 điểm từ mức 46,8 điểm của tháng 1. Trong khi đó, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất cũng có được đà tăng mặc dù vẫn còn dưới ngưỡng cải thiện, chỉ số PMI sản xuất đạt 47,3 điểm, tăng 0,4 điểm so với tháng trước. Đơn đặt hàng mới trong lĩnh vực sản xuất tiếp tục bị ảnh hưởng bởi tâm lý do dự của khách hàng trong bối cảnh chi phí sinh hoạt vẫn ở mức cao. Mặc dù vậy, tâm lý kinh doanh vẫn có được xu hướng tốt trong 2 tháng đầu năm.

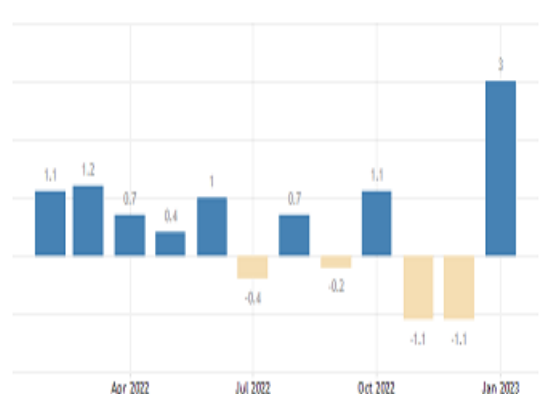
Bên cạnh đó, hoạt động tiêu dùng đã có sự tăng trưởng bứt phá trong tháng khởi đầu năm, doanh thu bán lẻ đã tăng 3% so với tháng trước, cao hơn mức kỳ vọng của thị trường là 1,8% - mức tăng trưởng theo tháng cao nhất kể từ tháng 3/2021. Diễn biến tăng trong hoạt động tiêu dùng đã xuất hiện trở lại sau 2 tháng giảm liên tiếp, với sự đóng góp lớn từ doanh thu tại các cửa hàng tổng hợp tăng 17,5%, doanh thu từ thực phẩm và đồ uống tăng 7,2%; phương tiện đi lại và phụ tùng thay thế tăng 5,9%. Đồng thời, chỉ số niềm tin người tiêu dùng cũng đã tăng mạnh, duy trì xu hướng tăng từ tháng 12 năm ngoái, lần lượt đạt 64,9 điểm và 67 điểm trong tháng 2 – mức cao nhất kể từ tháng 4/2022. Niềm tin người tiêu dùng tiếp tục được củng cố khi các điều kiện kinh tế có tín hiệu cải thiện tích cực.

Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ đã tăng lên 3,6% vào tháng 2 – tăng 0,2 điểm phần trăm so với tháng 1. Trong đó, số người thất nghiệp tăng 242 nghìn người và số người có việc làm đã tăng 177 nghìn người. Lạm phát đang có xu hướng hạ nhiệt, chỉ số lạm phát đã tăng 0,5% so với tháng trước, tăng 6,4% so với cùng kỳ - duy trì đà giảm trong 07 tháng liên tiếp. Trong đó, tiếp tục ghi nhận diễn biến tăng của nhóm hàng thực phẩm, nhóm hàng năng lượng.

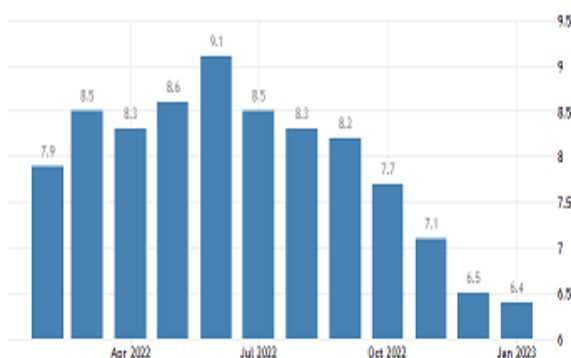
Chỉ số PMI sản xuất



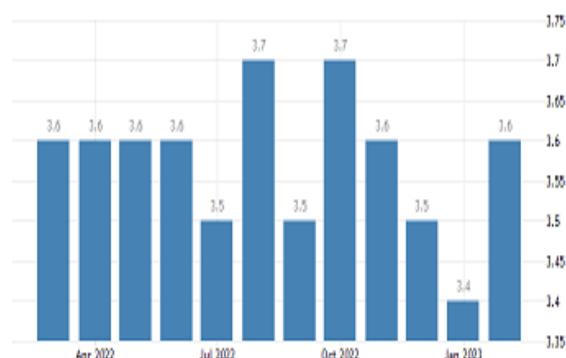
Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economicsics

Kinh tế
Châu Âu
chứng
kiến sự
hồi phục
mạnh mẽ
của khu
vực dịch
vụ

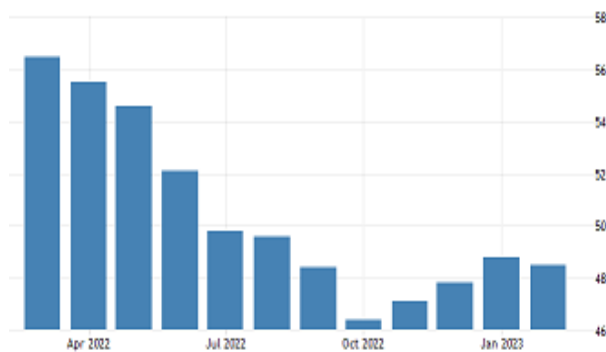
Kinh tế Châu Âu đã tăng trưởng chậm lại vào quý cuối cùng của năm 2022, đạt tốc độ 1,8% so với cùng kỳ - mức tăng thấp nhất kể từ đầu năm, trong đó, các nước thành viên lớn có tốc độ tăng trưởng quý IV/2022 giao động từ 0,5% - 1,7% so với cùng kỳ.

Bước sang năm 2023, kinh tế khu vực đồng tiền chung Châu Âu đã có tín hiệu cải thiện sau 06 tháng thu hẹp liên tục, chỉ số PMI tổng hợp trong tháng 1/2023 đã tăng lên mức 50,3 điểm so với 49,3 điểm của tháng 12/2022. Kinh tế khu vực EU đang được tiếp thêm sức mạnh trước tín hiệu giảm của lạm phát, chuỗi cung ứng được cải thiện và sự mở cửa trở lại của kinh tế Trung Quốc. Trong đó, đóng góp chủ yếu là sự phục hồi liên tục của khu vực dịch vụ, chỉ số PMI dịch vụ đã đạt ngưỡng mở rộng ngay từ đầu năm, lần lượt là 50,8 điểm và 52,7 điểm trong 02 tháng vừa qua. Tốc độ cải thiện của khu vực dịch vụ đã đạt mức cao nhất kể từ tháng 6 năm ngoái với sự đóng góp của dịch vụ du lịch, giải trí và dịch vụ tài chính trong khi các ngành dịch vụ khác cũng có diễn biến ổn định. Bên cạnh đó, diễn biến của khu vực sản xuất chưa có sự bứt phá, chỉ số PMI sản xuất vẫn ở dưới ngưỡng an toàn, lần lượt là 48,8 điểm và 48,5 điểm – kéo dài chuỗi thu hẹp trong 08 tháng. Mặc dù vậy, niềm tin kinh doanh vẫn liên tục được cải thiện, hiện đang ở mức cao trong vòng 03 tháng và niềm tin người tiêu dùng đã có diễn biến tích cực trong 07 tháng vừa qua, liên tục tăng qua các tháng, tăng 1,7 điểm trong tháng 2 phù hợp với kỳ vọng của thị trường.

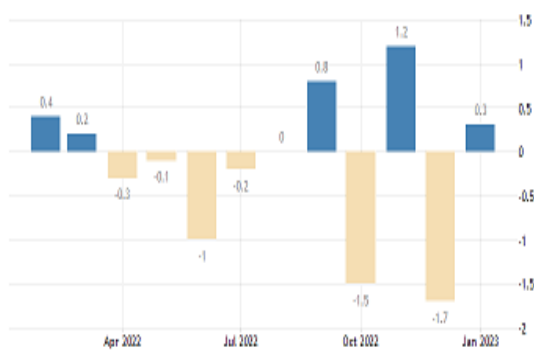
Trong 2 tháng đầu năm, lạm phát cũng đang có tín hiệu giảm, chỉ số lạm phát giá tiêu dùng theo tháng và so với cùng kỳ đã giảm liên tục kể từ tháng 10 năm ngoái, hiện ở mức 8,5%. Xu hướng giảm của lạm phát được hỗ trợ bởi đà giảm của giá nhóm hàng năng lượng và ảnh hưởng của thời tiết thuận lợi.

Tỷ lệ thất nghiệp của khu vực EU ở mức 6,7% vào tháng 1/2023, không thay đổi so với tháng 12 năm ngoái và cao hơn một chút so với ước tính của thị trường là 6,6%. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp vẫn rất gần với mức thấp kỷ lục 6,6% kể từ tháng 10/2022. Trong số các nền kinh tế lớn nhất khu vực EU, tỷ lệ thất nghiệp cao nhất được ghi nhận ở Tây Ban Nha (13%), Ý (7,9%), Pháp (7,1%), trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất được ghi nhận ở Đức (3%).

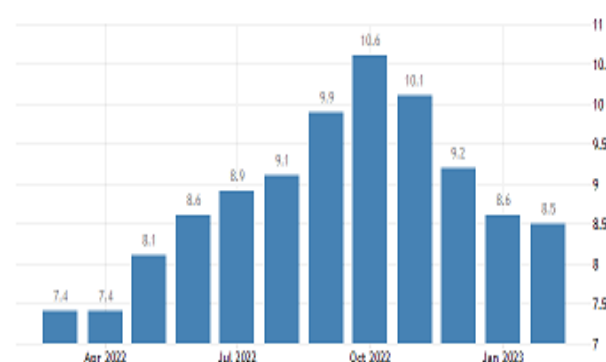
Chỉ số PMI sản xuất



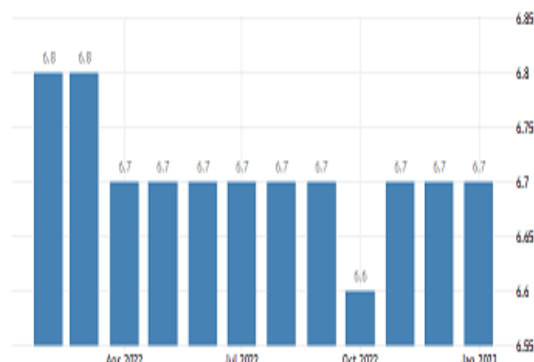
Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economics

Kinh tế Nhật Bản tiếp tục đà phục hồi của khu vực dịch vụ

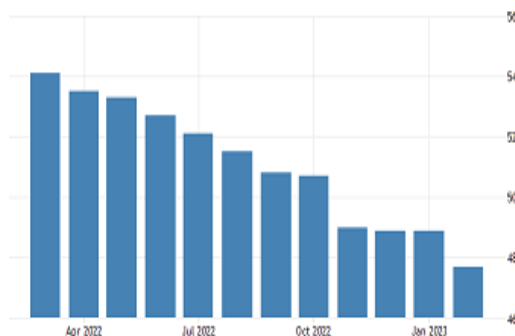
Kinh tế Nhật Bản vẫn giữ được đà tăng trưởng trong năm 2022, mặc dù tốc độ tăng đã thấp hơn gần một nửa so với năm 2021 trước những tác động của dịch bệnh và bất ổn kinh tế trên toàn cầu. GDP của năm 2022 tăng 1,1%, ghi nhận đóng góp tích cực nhất trong quý II và quý III.

Trong 2 tháng đầu năm 2023, diễn biến thu hẹp vẫn tiếp tục xuất hiện tại khu vực sản xuất nhưng nền kinh tế lại chứng kiến sự hồi phục mạnh mẽ của khu vực dịch vụ. Theo đó, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất vẫn thấp dưới ngưỡng an toàn, kéo dài trạng thái thu hẹp trong 04 tháng, thậm chí đang có diễn biến xấu đi trong tháng 2. Cả sản lượng hàng hóa và đơn hàng mới đặc biệt là đơn hàng xuất khẩu đều đã giảm mạnh trong vòng 2 năm qua. Trong khi đó, khu vực dịch vụ vẫn có được tốc độ cải thiện mạnh mẽ, chỉ số PMI trong lĩnh vực này lần lượt là 52,3 điểm và 54 điểm – duy trì đà mở rộng trong 06 tháng liên tiếp, ghi nhận sản lượng và nhu cầu tăng liên tục, đặc biệt là các hoạt động dịch vụ từ quốc tế.

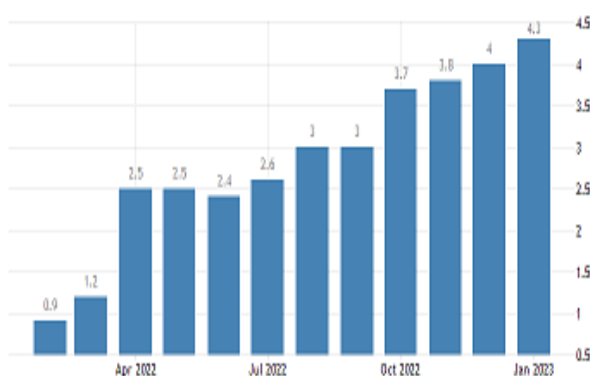
Bên cạnh đó, doanh thu trong lĩnh vực tiêu dùng liên tục tăng qua các tháng kể từ trạng thái giảm của tháng 11 năm ngoái, hiện tăng khoảng 1,9% so với tháng trước. Tín hiệu tích cực cũng được thể hiện thông qua xu hướng tăng của chỉ số niềm tin người tiêu dùng, tăng liên tục trong 03 tháng, hiện đạt 31,1 điểm.

Lạm phát theo tháng hiện đang có xu hướng tăng liên tục kể từ tháng 10 năm ngoái, hiện đã ở mức cao nhất kể từ tháng 12/1981, ở mức 4,3%, xu hướng tăng giá đã xuất hiện trên tất cả các hàng hóa chính yếu, tăng mạnh nhất là giá cả của nhóm hàng năng lượng, điện tử. Tỷ lệ thất nghiệp cũng có tín hiệu cải thiện, hiện đạt 2,4% - mức thấp nhất kể từ tháng 2/2020.

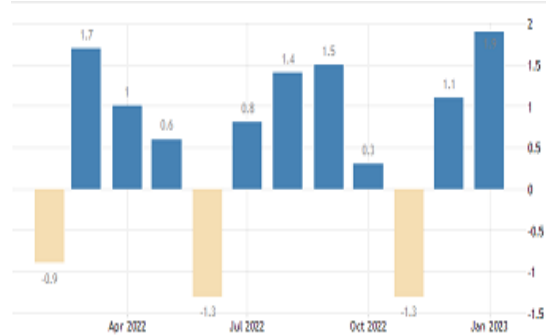
Chỉ số PMI sản xuất



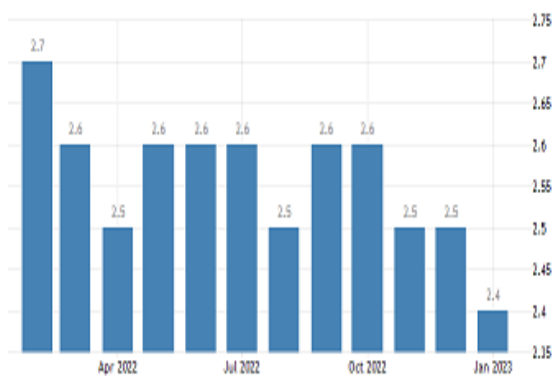
Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economics

Kinh tế Trung Quốc được cải thiện

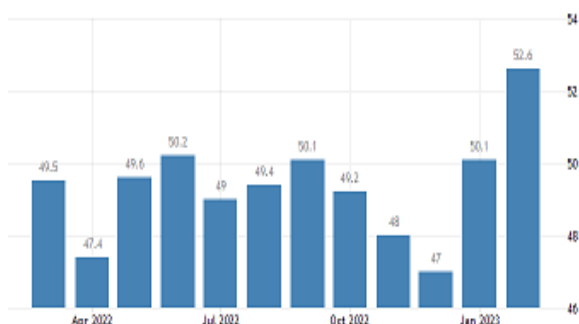
Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng 3% trong năm 2022 - thấp hơn mục tiêu Chính phủ đề ra ở mức 5,5%. Diễn biến của dịch bệnh cùng với chính sách Zero-Covid đã cản trở đà tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc qua các quý, trong đó diễn biến thiếu tích cực nhất đã xuất hiện trong quý II/2022.

Trong 2 tháng đầu năm, với việc dỡ bỏ các chính sách kiểm soát dịch bệnh nghiêm ngặt, nền kinh tế Trung Quốc đã hồi phục trở lại, có nhiều diễn biến tích cực so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể, chỉ số PMI sản xuất do Tổng cục Thống kê Trung Quốc công bố đã quay trở lại ngưỡng mở rộng trong 02 tháng liên tiếp, lần lượt đạt 50,1 điểm và 52,6 điểm. Trong đó, đơn đặt hàng mới, sức mua đều được cải thiện ở mức cao. Sản lượng hàng hóa sản xuất ra và các đơn hàng xuất khẩu mới, việc làm đã tăng trở lại trong tháng 2. Bên cạnh đó, chỉ số PMI trong lĩnh vực phi sản xuất cũng ghi nhận tốc độ cải thiện mạnh mẽ. Sau 03 tháng thu hẹp, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đã tăng mạnh trở lại, lần lượt là 54,4 điểm và 56,3 điểm. Niềm tin kinh doanh đã quay trở lại mức cao sau nhiều tháng bất ổn định.

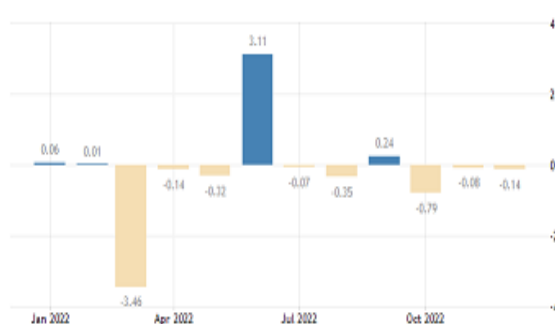
Cán cân thương mại đã thặng dư khoảng 116,88 tỷ USD trong 2 tháng đầu năm, ghi nhận diễn biến giảm trong cả hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu. Trong đó, hoạt động xuất khẩu giảm 6,8% so với cùng kỳ, trong khi nhập khẩu giảm 10,2%.

Tỷ lệ lạm phát theo năm đã giảm xuống 1% vào tháng 2/2023 từ mức 2,1% của tháng trước. Đây là mức thấp nhất kể từ tháng 2/2022 ghi nhận giá cả thực phẩm và phi thực phẩm đều giảm mạnh do người tiêu dùng vẫn thận trọng mặc dù chính sách Zero-Covid đã bị loại bỏ. Bên cạnh đó, tỷ lệ thất nghiệp không có nhiều thay đổi, hiện ở mức 5,5%.

Chỉ số PMI sản xuất



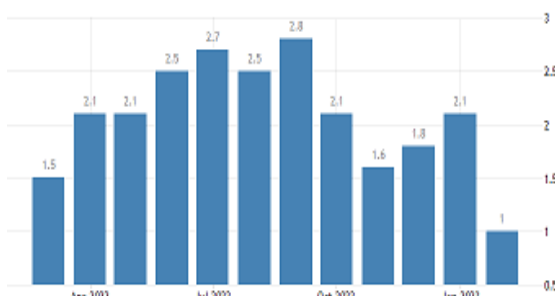
Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)



Cán cân thương mại qua các tháng (so với cùng kỳ)



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economics

Chỉ số giá cả hàng hóa thế giới đã có tín hiệu giảm

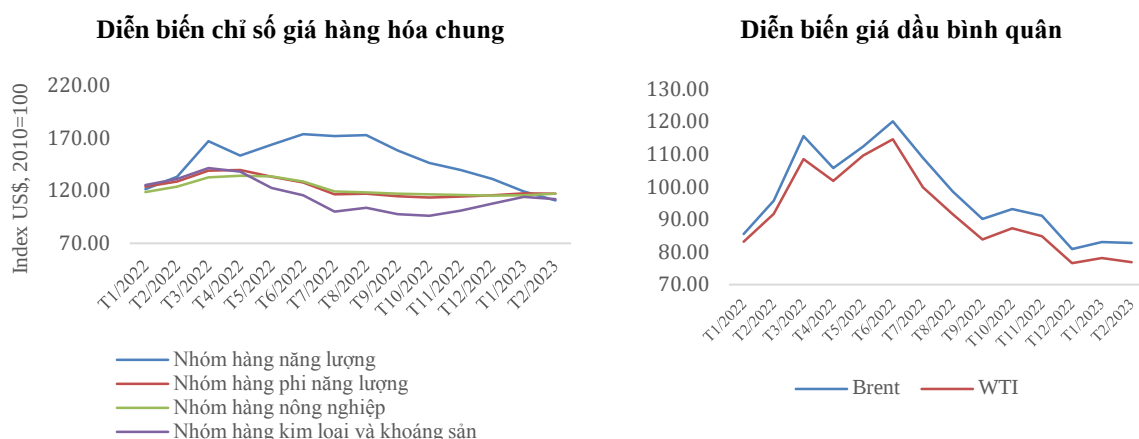
Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu đã có diễn biến trái chiều trong 02 tháng đầu năm. Trong tháng 1/2023, nhiều nhóm hàng chủ chốt như giá dầu, giá kim loại công nghiệp (đặc biệt giá đồng, giá quặng sắt), giá nông sản, giá kim loại quý đều tăng. Tuy nhiên, nhiều nhóm hàng đã xoay chiều giảm đáng kể trong tháng 2/2023. Theo số liệu công bố của World Bank, sau 2 tháng đầu năm, chỉ số giá bình quân của các nhóm hàng nông nghiệp, khoáng và kim loại đã tăng từ 1,5% - 4,13% trong khi giá nhóm hàng năng lượng và phân bón tiếp tục giảm mạnh, cụ thể:

+ Chỉ số giá bình quân của nhóm hàng năng lượng đã giảm hơn 15% so với cuối năm ngoái, trong đó chủ yếu là diễn biến giảm của nhóm hàng than, xăng, khí hóa lỏng với mức giảm lớn 50% liên tục trong 02 tháng. Trong đó, chỉ số giá dầu bình quân có diễn biến tăng trong tháng 1 và có giao dịch gần như đi ngang trong tháng 2. Giá dầu WTI và dầu Brent đều đã giảm khi có những thông tin về nguồn cung thuận lợi từ Mỹ và khối OPEC+. Tính đến cuối tháng 2/2023, giá dầu Brent và WTI giao ngay và kỳ hạn đã giảm giao động trong khoảng 2,35% - 5%, giao dịch lần lượt là 83,38 và 83,89 USD/thùng; 76,53 và 77,05 USD/thùng.

+ Chỉ số giá bình quân của nhóm hàng phi năng lượng tăng khoảng 1,51% so với cuối năm ngoái sau 02 tháng giao dịch. Trong đó, chỉ số giá bình quân của nhóm hàng nông nghiệp tăng 1,5%, diễn biến tăng xuất hiện ở hầu hết các mặt hàng ngoại trừ dầu ăn, ngũ cốc, thịt cừu, tôm,... nhóm hàng kim loại và khoáng tăng lần lượt là 4,13% và 2,58%, duy nhất chỉ có nhóm hàng phân bón đã giảm mạnh hơn 11%. Trong nhóm hàng kim loại, các kim loại sản xuất công nghiệp như đồng, sắt, nhôm, kẽm,... tiếp tục tăng trong tháng 1 và có xu hướng hạ nhiệt trong tháng 2.

Cuối cùng, chỉ số giá bình quân của nhóm hàng kim loại quý đã tăng khoảng 1,6% so với cuối năm ngoái, các kim loại quý có xu hướng tăng trong tháng 1 và cùng giảm trong tháng 2. Trong nhóm kim loại quý, giá giao dịch bình quân của vàng tiếp tục

tăng khoảng 3% nhưng nhóm hàng platinum và bạc đã giảm lần lượt là 5% và 6%, giá bình quân giao dịch vào cuối tháng 2 là 958,85 USD/ounce và 21,92 USD/ounce.



Nguồn: worldbank.org

2. Diễn biến thị trường ngoại hối

Đồng USD đã tăng giá trở lại

Trong 2 tháng giao dịch đầu năm 2023, đồng USD đã có diễn biến trái chiều giảm 1,38% trong tháng 1 và tăng 2,72% trong tháng 2, mặc dù vậy tính đến cuối tháng 2/2023, chỉ số USD index vẫn tăng 1,3% so với các đồng tiền mạnh khác kể từ cuối năm ngoái. Diễn biến giảm xuất hiện chủ yếu trong tháng 1, đồng USD đã trượt khỏi ngưỡng giá giao dịch cao trên 105 vào ngày 06/01 trước kỳ vọng về việc Fed sẽ giảm tốc độ tăng lãi suất vào tháng 2. Diễn biến tăng chỉ xuất hiện liên tục vào khoảng 03 ngày cuối tháng và xuất hiện trở lại từ ngày 02 – 06/02 khi Fed thực hiện tăng lãi suất điều hành thêm 25 điểm cơ bản như kỳ vọng của thị trường. Tuy nhiên đã giảm đã xuất hiện ngay sau đó khi chưa có thêm các tín hiệu kinh tế hỗ trợ và thị trường đang trông đợi thông điệp của Fed.

Mặc dù vậy, đồng bạc xanh đã nhanh chóng phục hồi trở lại, duy trì đà tăng liên tục kể từ ngày 21 – 26/02, đồng thời, mức giá cao trên 105 cũng được thiết lập trở lại khi các dữ liệu kinh tế mới nhất cho thấy thị trường lao động tiếp tục được cải thiện, kinh tế đang có thêm nhiều tín hiệu tích cực từ hoạt động tiêu dùng và dịch vụ, giá tiêu dùng chưa có dấu hiệu giảm và kỳ vọng Fed sẽ có thêm những động thái mạnh mẽ hơn để kiềm chế lạm phát. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán tiếp tục biến động, lợi tức trái phiếu kỳ hạn ngắn gia tăng cũng là những nhân tố tác động dẫn dắt tâm lý nắm giữ đồng bạc xanh trên thị trường.

Kết thúc tháng 2, chỉ số USD index giao ngay và kỳ hạn chót giao dịch ở mức 104.87 và 104.825.



Nguồn: investing.com

Đồng EUR và đồng GBP tiếp tục giảm

Sau 2 tháng đầu năm, đồng GBP và đồng EUR đều đã giảm so với đồng USD lần lượt là 1,17% và 0,64%. Trong đó, cả 02 đồng tiền đều đã tăng trong tháng 1/2023 và đều giảm hơn 2% trong tháng 2, chịu tác động đáng kể từ diễn biến của đồng USD trên thị trường quốc tế. Tại nước Anh, đồng GBP đã có xu hướng tích cực gần như trong suốt tháng 1 khi nền kinh tế tránh được suy thoái và lạm phát đã giảm mạnh hơn kỳ vọng của thị trường. Bước sang tháng 2, xu hướng tăng/giảm diễn biến đan xen, tuy nhiên trước sự tăng giá của đồng USD trong tháng 2 và các quyết định cứng rắn của BOE trong việc điều chỉnh tăng lãi suất điều hành để kiềm chế lạm phát, đồng GBP đã có 03 ngày giao dịch giảm mạnh lên đến hơn 1%. Mặc dù vậy, những tín hiệu đàm phán thương mại thuận lợi với các nước thành viên EU giai đoạn hậu Brexit cũng đã nâng đỡ đồng GBP trong tháng 2.

Trong khi đó, đồng EUR cũng có diễn biến tương tự trong tháng 01 và duy trì xu hướng giảm gần như liên tục trong tháng 2. Các điều kiện kinh doanh dần được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát, đặc biệt là áp lực từ giá cả năng lượng đã dịu bớt đã ảnh hưởng tích cực đến xu hướng của đồng EUR trên thị trường. Tuy nhiên, định hướng điều hành CSTT thắt chặt của ECB để kiềm chế lạm phát, sự thay đổi chậm chạp của thị trường lao động, các diễn biến kinh tế chưa ổn định đã làm giảm nhu cầu nắm giữ đồng EUR trên thị trường trong tháng 2. Đồng EUR giảm gần như liên tục, chỉ ghi nhận 06 phiên tăng giá và giảm giao động trong khoảng từ 0,07% - 1,07%.

Kết thúc tháng 2, cặp tỷ giá GBP/USD giao dịch ở mức 1.2020 và cặp tỷ giá EUR/USD giao dịch ở mức 1.0576.

Ngoài ra, 02 đồng tiền mạnh khác là đồng AUD và đồng CAD cùng giảm sau 2 tháng đầu năm và cũng có diễn biến trái chiều qua các tháng, diễn biến tăng đã xuất hiện trong tháng 1 và đồng loạt quay đầu giảm trong tháng 2 – bị ảnh hưởng nhất định bởi diễn biến của đồng bạc xanh trên thị trường quốc tế. Theo đó, đồng AUD đã tăng khoảng 3,5% và giảm 4,62% so với đồng USD. Kinh tế vĩ mô được cải thiện và các tín hiệu mở cửa trở lại của Trung Quốc đã nâng đỡ đồng AUD tuy nhiên xu hướng tăng của lạm phát, quyết định tăng lãi suất lần thứ 9 liên tiếp của RBA, thị trường việc làm suy giảm đã tác động bất lợi đến diễn biến của đồng AUD trong tháng 2. Tiếp đến đồng CAD cũng đã tăng khoảng 1,8% và giảm 2,6%, bên cạnh những yếu tố tác động tương tự như với đồng AUD, diễn biến của giá dầu trên thị trường quốc tế, hiệu quả của CSTT thắt chặt trong việc kiềm chế lạm phát,... cũng ảnh hưởng nhất định đến diễn biến của đồng tiền này trong tháng. Kết thúc tháng 2, cặp tỷ giá AUD/USD chốt giao dịch ở mức 0.6728 và cặp tỷ giá USD/CAD chốt giao dịch ở mức 1.3645.

Đồng JPY và đồng CNY có diễn biến cùng chiều

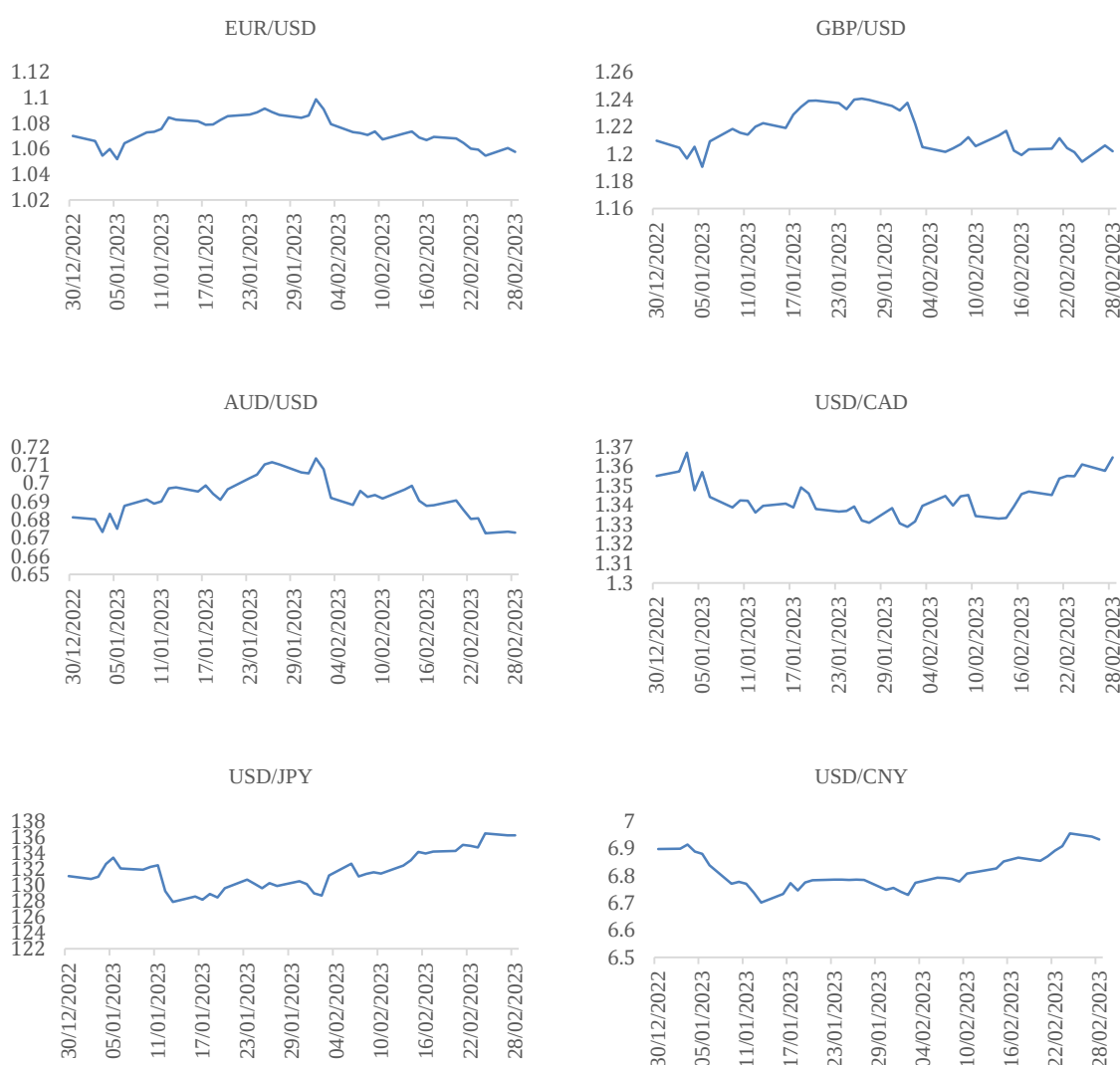
Tại khu vực Châu Á, 02 đồng tiền mạnh là đồng JPY và đồng CNY đã có diễn biến cùng chiều qua các tháng và đều giảm so với đồng USD sau 02 tháng giao dịch, lần lượt là 3,92% và 0,56%. Mặc dù đều chịu tác động bởi xu hướng của đồng USD nhưng mức độ biến động của đồng CNY và đồng JPY qua các tháng là khác nhau đáng kể. Cụ thể đồng JPY đã tăng 0,78% và giảm mạnh 4,7%, diễn biến tích cực của đồng JPY trong tháng 1 được hỗ trợ mạnh mẽ bởi đà phục hồi của các khu vực kinh tế trong nước, tuy nhiên xu hướng gia tăng của lạm phát tổng thể cũng như lạm phát cơ bản trong điều kiện CSTT siêu nới lỏng được duy trì đã ảnh hưởng bất lợi đến diễn biến của đồng JPY. Điều đó đã được phản ánh rõ trong xu hướng của tháng 2 với diễn biến giảm là chủ yếu, biến động giảm theo ngày giao dịch giao động

trong khoảng từ 0,06% - 1,96%.

Trong khi đó, đồng CNY đã tăng khoảng 2,08% và giảm 2,64%, ghi nhận nhiều chuỗi tăng/giảm kéo dài từ 3 – 7 ngày giao dịch qua các tháng. Nền kinh tế mở cửa trở lại đã tạo đà cho đồng CNY trong tháng khởi động đầu năm. Bên cạnh đó, việc thu hẹp quy mô thắt chặt tiền tệ của Fed trong những ngày đầu tháng 2 và việc PBoC tiếp tục hỗ trợ thị trường để thúc đẩy kinh tế sau đại dịch đã tạo đà cho đồng CNY. Tuy nhiên sức mạnh của đồng USD trên thị trường trong tháng 2 đã khiến đồng CNY có diễn biến không tốt kể từ ngày 09/02 kéo dài đến ngày 24/02, với mức biến động giảm giao động 0,06% – 0,68%.

Kết thúc tháng 2, cặp tỷ giá USD/CNY và cặp tỷ giá USD/JPY giao dịch ở mức 6.9325 và 136.2.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh



Nguồn: investing.com

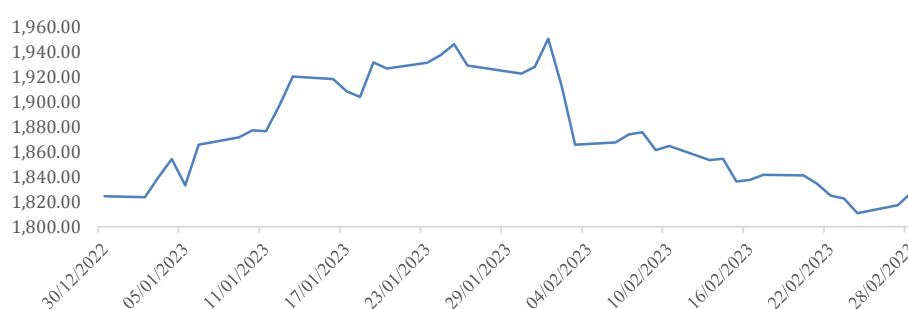
Diễn biến thị trường vàng

Giá vàng tăng nhẹ trở lại

Trong 2 tháng đầu năm 2023, giá vàng đã tăng nhẹ 0,15% so với cuối năm 2022 – duy trì được xu hướng của năm ngoái nhưng mức độ biến động đã có khoảng cách tương đối so với mức tăng khoảng 4% của năm ngoái. Giá vàng giao ngay đã tăng

5,67% trong tháng 1 trước các diễn biến bất ổn chưa chấm dứt trên toàn cầu, lạm phát cao và khả năng suy thoái kinh tế (về mặt kỹ thuật) tại một số nền kinh tế lớn, chiến tranh Nga – Ukraine chưa có tín hiệu thuyên giảm,... là những nhân tố dẫn dắt đà tăng của giá vàng trong tháng. Giá vàng đã có khoảng 04 ngày tăng giá lớn hơn 1%, thiết lập được mức giá giao dịch cao mới trên 1.900 USD/ounce vào ngày 13/01 và được bảo vệ cho đến hết tháng đầu tiên của năm. Tuy nhiên xu hướng tích cực đó đã không được duy trì trong tháng 2 trước quyết định điều chỉnh tăng lãi suất của Fed và đà tăng của trái phiếu Mỹ cũng như những tín hiệu kinh tế tích cực của nhiều nền kinh tế lớn, giá vàng đã giảm giá mạnh trong 02 ngày giao dịch từ ngày 02 – 03/02 lên tới 4,4% và có chuỗi giảm liên tiếp từ ngày 20 – 24/02 với tổng mức giảm là 1,6%. Kết thúc tháng 2, giá vàng giao ngay đã ghi nhận mức biến động giảm sát với mức tăng của tháng trước, giảm 5,22%, giao dịch ở mức 1.827,15 USD/ounce và giá vàng kỳ hạn là 1.836,7 USD/ounce.

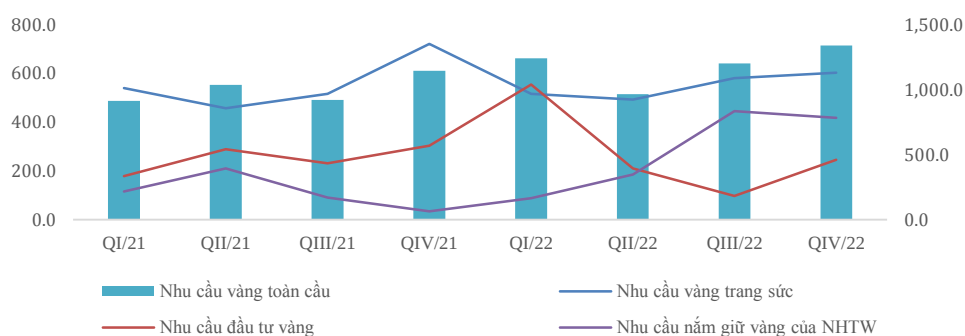
Diễn biến giá vàng thế giới



Nguồn: investing.com

Theo báo cáo mới nhất của Hội đồng vàng thế giới, xu hướng nhu cầu vàng toàn cầu năm 2022 đã tăng khoảng 18%, đạt 4.741 tấn – mức cao nhất trong vòng 10 năm qua. Nhu cầu nắm giữ vàng đã tăng mạnh trong quý IV trước dự báo kinh tế vĩ mô u ám trên toàn cầu, nhu cầu tổng thể được dẫn dắt bởi nhu cầu nắm giữ vàng của NHTW và nhu cầu đầu tư riêng lẻ tăng liên tục. Trong đó, nhu cầu của NHTW các nước đã tăng hơn hai lần trong năm 2022, đạt 1.136 tấn, lực mua mạnh diễn ra trong quý IV đã đưa nhu cầu trong nửa cuối năm của NHTW các nước lên mức 800 tấn. Và nhu cầu đầu tư cũng tăng khoảng 10%, chủ yếu do nhu cầu vàng cất trữ tăng mạnh tại khu vực Châu Âu và Trung Đông. Tuy nhiên nhu cầu vàng trang sức đang có xu hướng giảm nhẹ khoảng 3%, đạt 2.086 tấn. Xu hướng giảm này bị ảnh hưởng mạnh bởi chính sách kiểm soát dịch bệnh của Trung Quốc và xu hướng tăng của giá vàng trong quý cuối của năm.

Nhu cầu vàng thế giới theo quý (2021 - 2022)



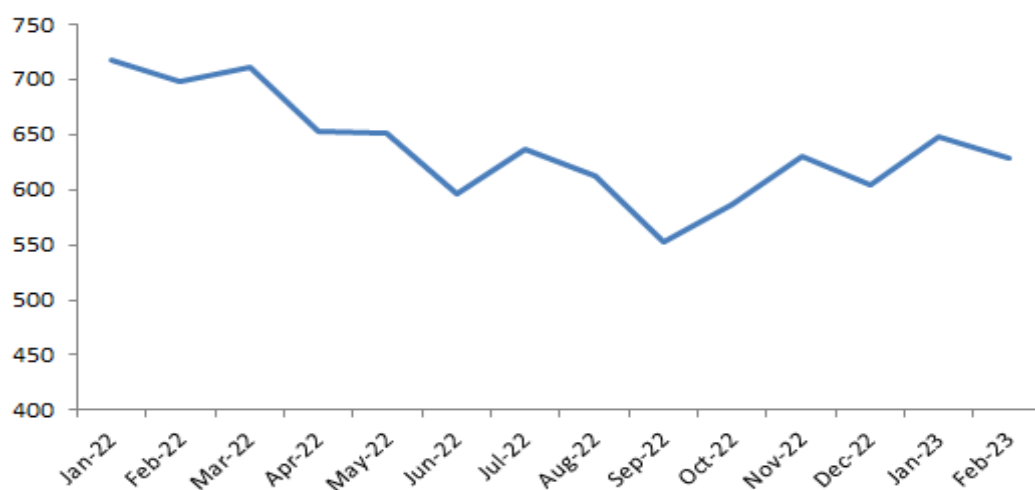
Nguồn: Hội đồng vàng thế giới

Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường chứng khoán toàn cầu có khởi đầu tích cực

Trong 2 tháng đầu năm 2023, thị trường chứng khoán toàn cầu đã có diễn biến tích cực trong tháng 1 và có xu hướng điều chỉnh giảm trong tháng 2, chỉ số MSCI ACWI lần lượt tăng 7,1% và giảm 2,98%. Mặc dù vậy, chỉ số MSCI ACWI chốt phiên giao dịch cuối cùng của tháng 2 đã tăng 3,91% so với cuối năm 2022 lên 629,02 điểm. Nhìn chung, các thị trường chứng khoán chủ chốt trên toàn cầu cơ bản có diễn biến tích cực.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI giai đoạn 1/2022 – 2/2023



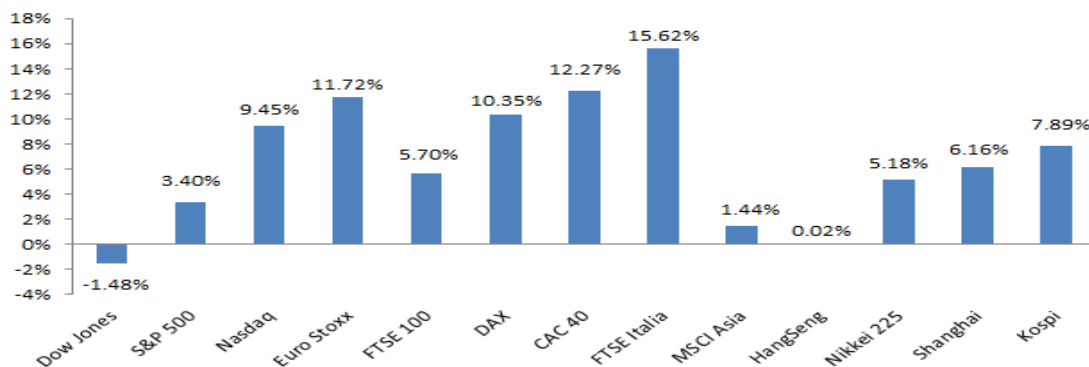
Nguồn: msci.com

Thị trường chứng khoán Mỹ đã có khởi đầu thuận lợi trong tháng đầu năm trước tín hiệu kinh tế tích cực, chỉ số Dow Jones tăng 2,83%, chỉ số S&P 500 tăng 6,18% và chỉ số công nghệ Nasdaq tăng mạnh 10,68%. Tuy nhiên, sang tháng 2, cả 03 chỉ số cùng đảo chiều với mức giảm lần lượt là 4,19%, 2,61% và 1,11% so với cuối tháng 1 khi Fed quyết định điều chỉnh tăng 0,25 điểm cơ bản lãi suất chính sách và khả năng thắt chặt CSTT tiếp tục sẽ diễn ra trong các cuộc họp tới. Tính chung trong 2 tháng đầu năm, chỉ số Dow Jones giảm 1,48%, chỉ số S&P 500 tăng 3,40% và chỉ số công nghệ Nasdaq tăng 9,45%.

Trong khi đó, thị trường chứng khoán Châu Âu ghi nhận diễn biến tích cực nhất khi tăng điểm liên tục trong cả 2 tháng đầu năm trước diễn biến tích cực hơn dự báo của kinh tế khu vực. Kết thúc tháng 2, chỉ số Euro Stoxx đã tăng 11,72% so với cuối năm trước - tăng 9,75% trong tháng 1 và tăng 1,8% trong tháng 2; chỉ số DAX của Đức tăng 10,35%, chỉ số CAC 40 của Pháp tăng 12,27% và chỉ số FTSE 100 của Anh tăng 5,7%. Các lĩnh vực tăng trưởng tốt gồm hàng tiêu dùng, bất động sản, dịch vụ truyền thông và tài chính.

Tại Châu Á, các thị trường chứng khoán lớn trong khu vực đã có diễn biến tăng trong tháng 1 và giảm trong tháng 2. Trong đó, việc nới lỏng chính sách kiểm soát dịch bệnh của Trung Quốc và các vấn đề chính trị trong khu vực có tác động mạnh đến xu hướng của các thị trường qua 2 tháng giao dịch. Tính chung trong 2 tháng đầu năm, chỉ số MSCI Châu Á Thái Bình Dương tăng 1,44% so với cuối năm trước - tăng 7,84% trong tháng 1 và giảm 5,94% trong tháng 2; chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản tăng 5,18%, chỉ số Shanghai của Trung Quốc tăng 6,16%, KOSPI của Hàn Quốc tăng 7,89% và HangSeng của Hồng Kông nhích nhẹ 0,02%.

Mức độ biến động của các chỉ số chứng khoán chủ chốt trong 2 tháng đầu năm 2023



Nguồn: Bloomberg

KINH TẾ TRONG NƯỚC

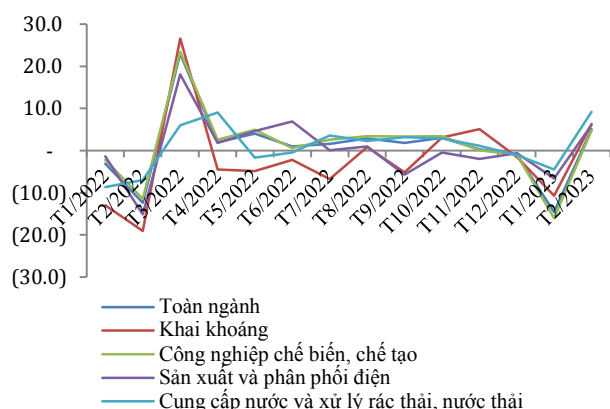
1. Tăng trưởng kinh tế

Sản xuất công nghiệp có diễn biến giảm so với cùng kỳ

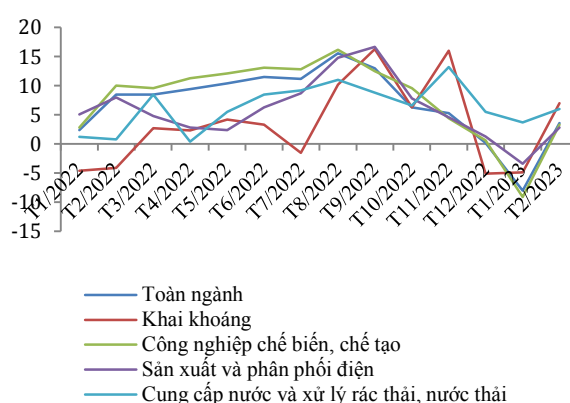
Sản xuất công nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế có diễn biến giảm sau 2 tháng khởi động năm 2023, chỉ số IIP ước giảm 6,3% so với cùng kỳ năm trước – trái chiều với diễn biến tăng 5,6% của cùng kỳ năm 2022 do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết Nguyên đán và những tác động từ môi trường bất ổn của thế giới đã ảnh hưởng mạnh tới nhu cầu hàng hóa. Trong tháng 1/2023, chỉ số IIP đã giảm tới 14,6% so với tháng trước và giảm 8% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên bước sang tháng 2, chỉ số IIP đã tăng trở lại, ước tăng 5,1% và 3,6%.

Tính chung trong 2 tháng đầu năm, xu hướng giảm đã xuất hiện trên hầu hết các nhóm ngành chính, ngoại trừ ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,3%. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo giảm 6,9%, làm giảm 5,3 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 3,8%, làm giảm 0,6 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 5,2%, làm giảm 0,5 điểm phần trăm.

Diễn biến IIP so với tháng trước (%)



Diễn biến IIP so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

Trong 2 tháng đầu năm, chỉ số IIP của một số ngành trọng điểm đã ghi nhận xu hướng giảm mạnh so với cuối năm trước như sản xuất thiết bị điện giảm 50,7%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 13,6%; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy giảm 13%; sản xuất kim loại giảm 12,2%; sản xuất trang phục giảm 11,7%; dệt giảm 11%. Bên cạnh đó, chỉ số IIP của một số ngành đã tăng tốt so với cùng kỳ năm trước như

sản xuất đồ uống tăng 32,4%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 20%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 2 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước tăng ở 44 địa phương và giảm ở 19 địa phương trên cả nước, trong đó giảm mạnh nhất ở 03 tỉnh thành là Quảng Nam, Hà Giang, Trà Vinh với mức giảm lần lượt là 34,6%; 23,4% và 21%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/02/2023 cũng đã có xu hướng giảm so với cùng thời điểm năm trước tại một số khu vực và nhóm ngành. Trong đó, doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 1,3%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 1,1%. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo giảm 1,1%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 2,5%.

Các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất được cải thiện trong tháng 2

Tín hiệu cải thiện trong lĩnh vực sản xuất đã được ghi nhận trong tháng 2/2023 – chấm dứt chuỗi thu hẹp kéo dài 03 tháng. Theo đó, chỉ số Nhà quản trị mua hàng - PMI ngành sản xuất của Việt Nam đã tăng từ mức 47,4 điểm của tháng 1/2023 lên 51,2 điểm vào tháng 2/2023. Trong đó, sự cải thiện của nhu cầu trên thị trường là nhân tố chính đóng góp vào sự tăng trưởng này. Diễn biến tích cực đã xuất hiện trên các động lực chính phản ánh mức độ lạc quan của các doanh nghiệp trong năm 2023, cụ thể:

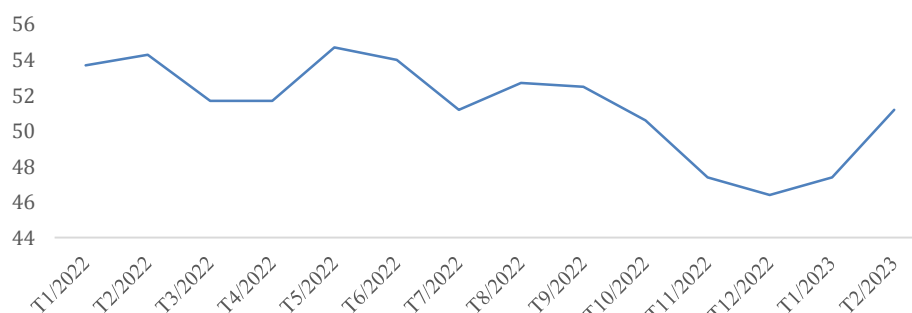
+ Số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng trong tháng 2 – tháng tăng đầu tiên trong vòng 04 tháng vừa qua, đạt mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 8/2022. Đáng chú ý là đơn hàng xuất khẩu mới đã tăng liên tiếp trong 02 tháng nhờ nhu cầu quốc tế được cải thiện mạnh;

+ Sản lượng, hoạt động mua hàng và việc làm cũng bắt đầu tăng trở lại, mặc dù mới ở tốc độ nhẹ vào tháng 2/2023;

+ Hoạt động mua hàng đầu vào cũng tiếp tục tăng trong khi tồn kho hàng mua và tồn kho thành phẩm đã giảm nhưng ở mức thấp so với chuỗi giảm kéo dài 5 tháng vừa qua;

+ Tốc độ tăng chi phí đầu vào liên tục tăng qua các tháng và có xu hướng tăng nhanh trong tháng 2 do giá của nhà cung cấp tăng và tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, để bù lại các nhà sản xuất đã tăng giá bán với tốc độ tăng mạnh nhất trong vòng 8 tháng qua.

Diễn biến chỉ số PMI



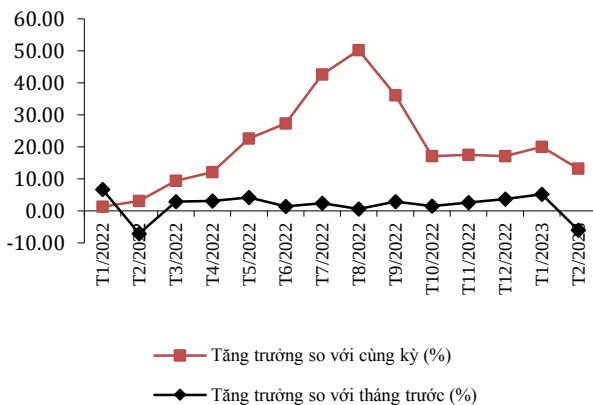
Nguồn: Nikkei

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng so với cùng kỳ năm trước

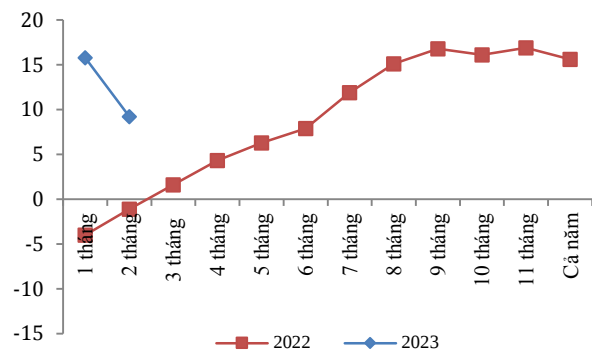
Trong tháng 1, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vẫn duy trì đà tăng trưởng tốt nhờ nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao vào dịp Tết Nguyên đán với mức tăng 5,2% so với tháng trước và tăng 20% so với cùng kỳ. Bước sang tháng 2, nhu cầu tiêu dùng của người dân trở lại trạng thái bình thường nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng giảm 6% so với tháng trước và tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 2 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 994,2 nghìn tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,2%¹. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 781,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 78,6% tổng mức và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 31,6% ước tính đạt 109,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 11% tổng mức; doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 4,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,5% tổng mức, gấp 2,2 lần cùng kỳ năm trước do năm nay nhiều tỉnh/thành phố tổ chức các hoạt động khai xuân thu hút khách du lịch. Cuối cùng, doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 98,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,9% tổng mức và tăng 16,2%.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (so với cùng kỳ)



Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN được triển khai mạnh mẽ

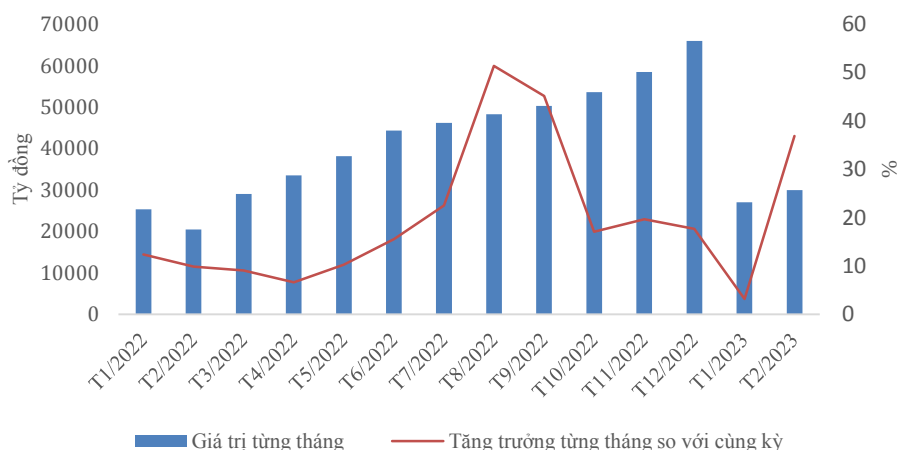
Trong 2 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 56,9 nghìn tỷ đồng, bằng 8,3% kế hoạch năm và tăng 18,3% so với cùng kỳ năm trước², cụ thể vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước qua các tháng đạt lần lượt là 27 nghìn tỷ đồng, gần 30 nghìn tỷ đồng, tương ứng tăng 3,2% và 36,9% so với cùng kỳ năm trước.

Qua 2 tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý đạt 10,5 nghìn tỷ đồng, bằng 7,9% kế hoạch năm và tăng 40,1% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt gần 46,4 nghìn tỷ đồng, bằng 8,4% kế hoạch năm và tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư thực hiện đạt mức cao tại khu vực phía Bắc, dẫn đầu là Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng. Trong khi đó, thành phố Hồ Chí Minh là tỉnh thành có vốn đầu tư thực hiện đạt mức cao nhất khu vực phía Nam và đứng thứ hai trong cả nước.

¹ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 2 tháng đầu năm 2022 loại trừ yếu tố giá giảm 1,1%

² 2 tháng đầu năm 2022, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước bằng 8% kế hoạch năm và tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước

Diễn biến vốn đầu tư từ NSNN



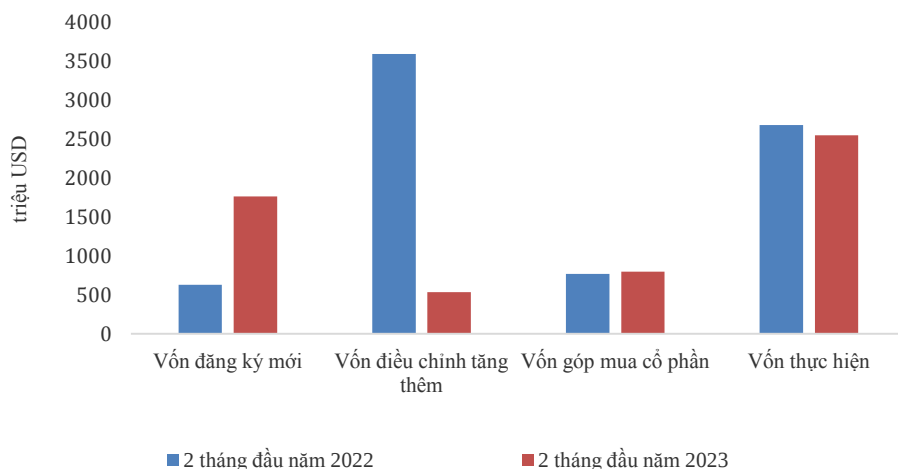
Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư nước ngoài so với cùng kỳ tiếp tục giảm

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến 20/02/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 3,1 tỷ USD, giảm 38% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó tập trung ở cấu phần vốn đăng ký cấp mới, ước khoảng 1,76 tỷ USD. Vốn đầu tư chủ yếu đổ vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,45 tỷ USD. Bên cạnh đó, vốn đăng ký điều chỉnh tăng thêm là 535,4 triệu USD, giảm 85,1% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 797,9 triệu USD, tăng 3,7% so cùng kỳ năm trước, tập trung lớn nhất vào lĩnh vực bất động sản đạt 331,5 triệu USD, chiếm 41,6% giá trị góp vốn.

Vốn FDI thực hiện qua 2 tháng ước đạt 2,55 tỷ USD, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm trước – trái với xu hướng tăng của 2 năm trước đó. Vốn FDI giải ngân cho lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,97 tỷ USD, chiếm 77,6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 231,8 triệu USD, chiếm 9,1%; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 154,3 triệu USD, chiếm 6%.

Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam 2 tháng đầu năm 2022 và 2 tháng đầu năm 2023



Nguồn: TCTK

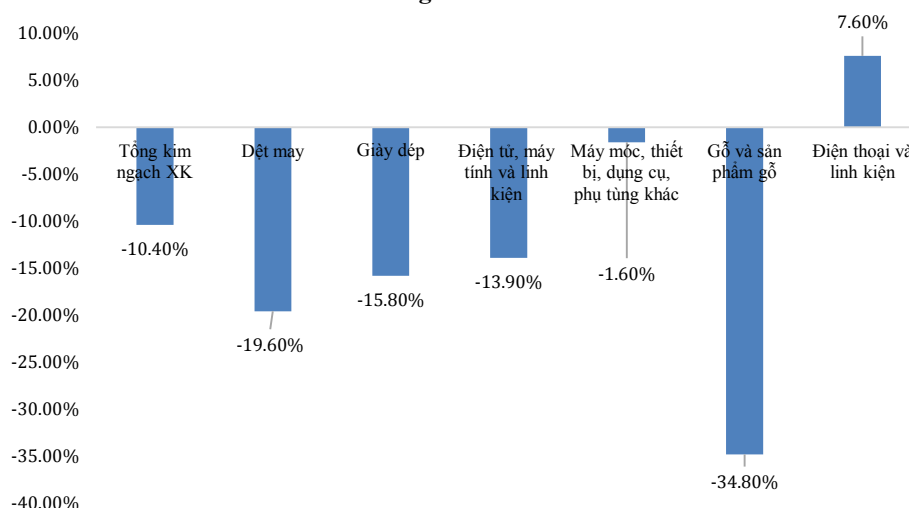
Kim ngạch xuất nhập

Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 49,44 tỷ USD, giảm 10,4% so với cùng kỳ năm trước. Xu hướng giảm diễn ra trên nhiều

khẩu giảm
so với cùng
kỳ năm
trước

nhóm hàng quan trọng. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 11,52 tỷ USD, giảm 21,1%, chiếm 23,3% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 37,92 tỷ USD, giảm 6,6%, chiếm 76,7%. Trong đó, có 8 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 69,9% tổng kim ngạch xuất khẩu, có 3 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 45,9%.

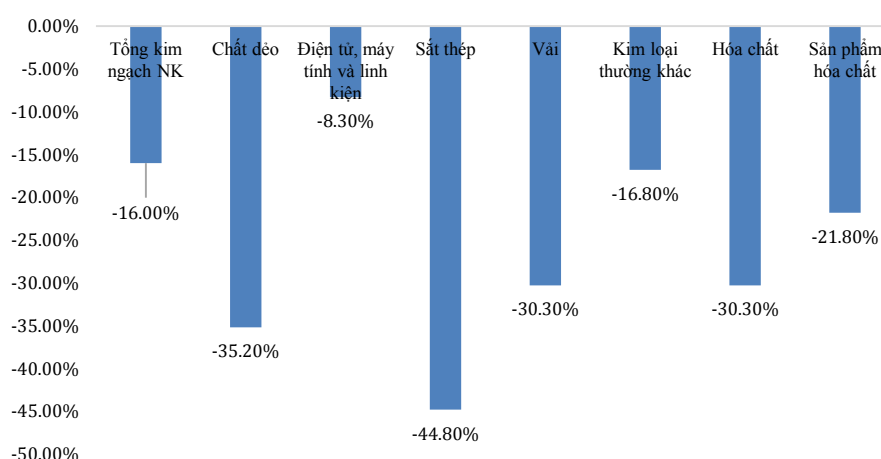
Tốc độ tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng 2 tháng đầu năm 2023



Nguồn: TCTK

Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa 2 tháng đầu năm 2023 ước đạt 46,62 tỷ USD, giảm 16% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 15,21 tỷ USD, giảm 17,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 31,41 tỷ USD, giảm 15,3%. Trong đó, có 13 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 69,1% tổng kim ngạch nhập khẩu, có 2 mặt hàng nhập khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 39,3%.

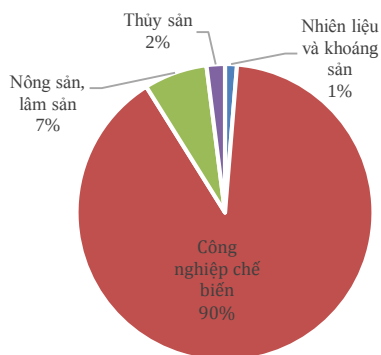
Tốc độ giảm kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng 2 tháng đầu năm 2023



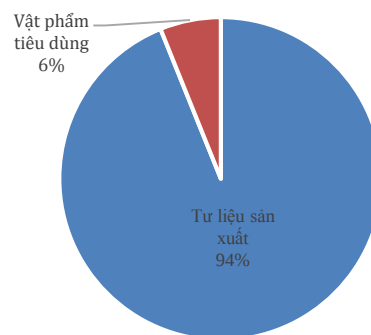
Nguồn: TCTK

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 2 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch ước đạt 13,1 tỷ USD. Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 14,6 tỷ USD.

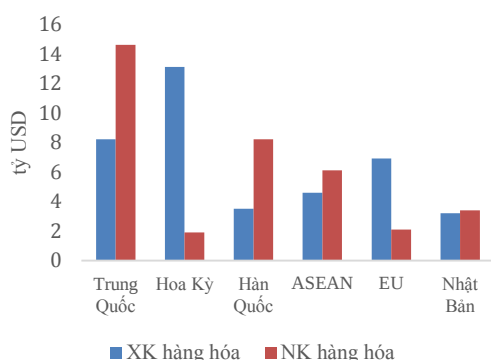
**Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu
2 tháng đầu năm 2023 phân theo nhóm hàng**



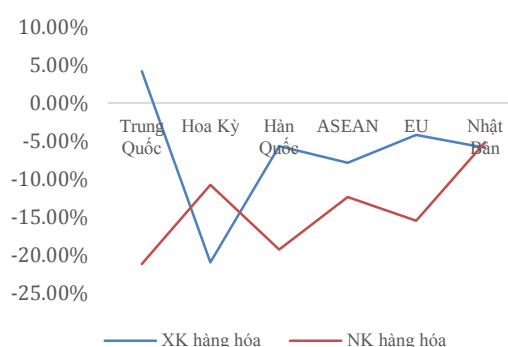
**Cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu
2 tháng đầu năm 2023 phân theo nhóm hàng**



Kim ngạch XNK hàng hóa sang thị trường các nước, khối nước trong 2 tháng đầu năm 2023



Tốc độ tăng trưởng XNK hàng hóa so với cùng kỳ năm trước trong 2 tháng đầu năm 2023

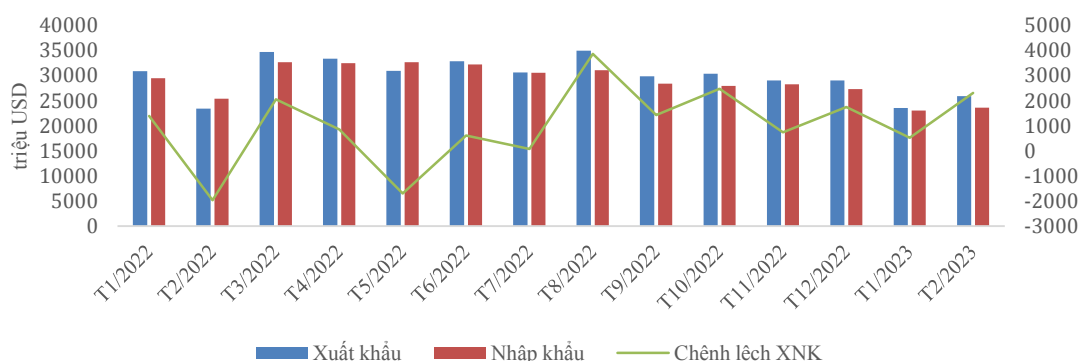


Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại ước tính xuất siêu

Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 2,82 tỷ USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 0,3 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 3,69 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 6,51 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại theo tháng (2022 – 2023)



Nguồn: TCTK

Trong 2 tháng đầu năm 2023, xuất siêu sang EU ước đạt 4,8 tỷ USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 6,4 tỷ USD, giảm 39,8%; nhập siêu từ Hàn Quốc 4,7 tỷ USD, giảm 27,2%; nhập siêu từ ASEAN 1,5 tỷ USD, giảm 23,9%; nhập siêu từ Nhật Bản 237,2 triệu USD, tăng 4,5%.

Một số VBPL chính sách quan trọng liên quan đến điều tiết tăng trưởng kinh tế được ban hành trong 2 tháng đầu năm

Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023

Theo đó, để thực hiện thắng lợi mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ đề ra các nhiệm vụ và giải pháp sau: Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường trong nước, phấn đấu tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 9%; Tiếp tục kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và các dịch bệnh mới phát sinh, không để dịch chồng dịch; Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với thực hiện hiệu quả lộ trình giảm biên chế hàng năm để đến 2026 đạt chỉ tiêu giảm 5% biên chế công chức.

Bên cạnh đó, sớm hoàn thành xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia; phát triển hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN, Internet băng thông rộng phủ 100% các xã; giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nhân lực, thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế;...

Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới

Theo đó, Chương trình hành động của Chính phủ nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, như: Đến năm 2030, có khoảng 140.000 tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên; 45.000 hợp tác xã với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên; trên 5.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp...; Đến năm 2045, thu hút tối thiểu 20% dân số tham gia các tổ chức kinh tế tập thể;...

Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau: Nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể; Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với kinh tế tập thể;...

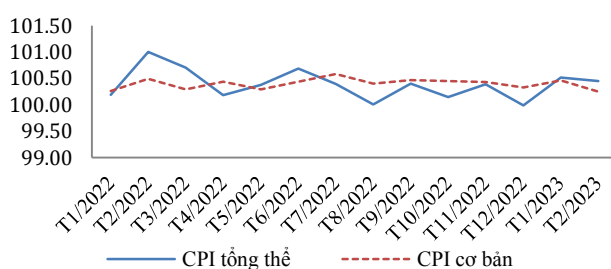
2. Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng liên tục

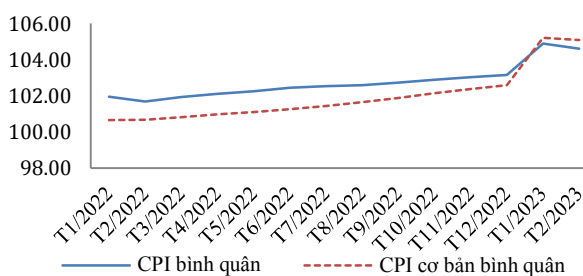
Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 2 tháng đầu năm 2023 tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước. CPI tháng 1/2023 tăng 4,89% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,52% so với tháng trước; CPI tháng 2/2023 tăng 4,31% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,45% so với tháng trước.

Lạm phát cơ bản bình quân 2 tháng đầu năm tăng 5,08% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tháng 01/2023 tăng 5,21% so với cùng kỳ năm trước và lạm phát cơ bản tháng 02/2023 tăng 4,96% so với cùng kỳ năm trước.

CPI so với tháng trước (%)



CPI bình quân so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

Trong mức tăng 0,52% của CPI tháng 1 so với tháng trước có 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng và mức tăng 0,45% của CPI tháng 2 có sự đóng góp của 5/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ. Sau 2 tháng đầu năm, trong rổ hàng hóa, dịch vụ tính CPI có 9/11 nhóm có chỉ số CPI bình quân tăng và 2/11 nhóm có chỉ số CPI bình quân giảm. Trong đó, CPI bình quân tăng ở một số nhóm ngành sau:

- Giáo dục: CPI bình quân nhóm ngành này tăng cao nhất với mức tăng 11% so với bình quân cùng kỳ năm trước, trong đó nhóm dịch vụ giáo dục tăng 11,93%.
- Nhà ở và vật liệu xây dựng: CPI bình quân nhóm ngành này tăng 7,41% so với bình quân cùng kỳ năm trước do giá gas, điện sinh hoạt, vật liệu bảo dưỡng nhà ở và giá thuê nhà tăng.
- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống: CPI bình quân nhóm ngành này tăng 5,18% so với bình quân cùng kỳ năm trước, trong đó tăng mạnh nhất là CPI của nhóm ngành ăn uống ngoài gia đình ở mức 6,36%.
- Các nhóm ngành khác có CPI bình quân tăng giao động trong khoảng 0,64% – 5,02%.

Bên cạnh đó, CPI bình quân của nhóm bưu chính viễn thông và giao thông giảm lần lượt là 0,24% và 0,07% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Một số VBPL chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong 2 tháng đầu năm

Công văn số 01/BCT-TTTN ngày 01/01/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 1.045 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 1.100 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 550 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 330 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 770 đồng/kg.

Công văn số 10/BCT-TTTN ngày 03/01/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 332 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 347 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giữ nguyên so với mức bán lẻ hiện hành; Dầu hỏa: tăng 601 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 107 đồng/kg.

Công văn số 140/BCT-TTTN ngày 11/01/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giữ nguyên so với giá bán lẻ hiện hành; Xăng RON 95-III: giữ nguyên so với giá bán lẻ hiện hành; Dầu diesel 0.05S: giảm 517 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 958 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 374 đồng/kg.

Công văn số 413/BCT-TTTN ngày 30/01/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 977 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 993 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 890 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 767 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 568 đồng/kg.

Công văn số 639/BCT-TTTN ngày 13/02/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 540 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 620 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 962 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 982 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 298 đồng/kg.

Công văn số 831/BCT-TTTN ngày 21/02/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 320 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 320 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 700 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 750 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 620 đồng/kg.

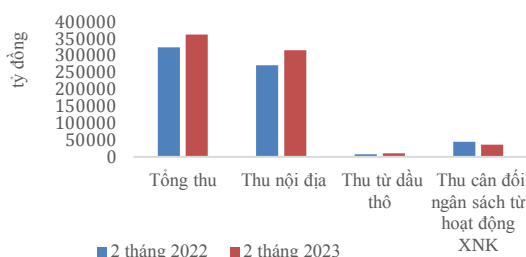
3. Thu chi ngân sách Nhà nước

Thu NSNN tăng so với cùng kỳ

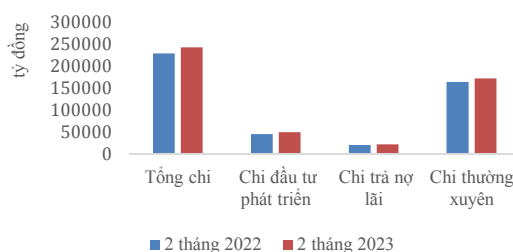
Tính chung 2 tháng đầu năm, tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 362,3 nghìn tỷ đồng, bằng 22,4% dự toán năm và tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa đạt 315,5 nghìn tỷ đồng, bằng 23,6% dự toán năm và tăng 17% so với cùng kỳ năm trước; thu từ dầu thô đạt 10,8 nghìn tỷ đồng, bằng 25,7% dự toán năm và tăng 13,2%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 36 nghìn tỷ đồng, bằng 15% dự toán năm và giảm 25,5%.

Trong khi đó, tổng chi ngân sách Nhà nước lũy kế từ đầu năm ước đạt 242 nghìn tỷ đồng, bằng 11,7% dự toán năm và tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên đạt 171 nghìn tỷ đồng, bằng 14,6% dự toán năm và tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 49,2 nghìn tỷ đồng, bằng 6,8% và tăng 10,4%; chi trả nợ lãi 21,7 nghìn tỷ đồng, bằng 21% và tăng 6,8%.

Thu NSNN 2 tháng 2022 và 2 tháng 2023



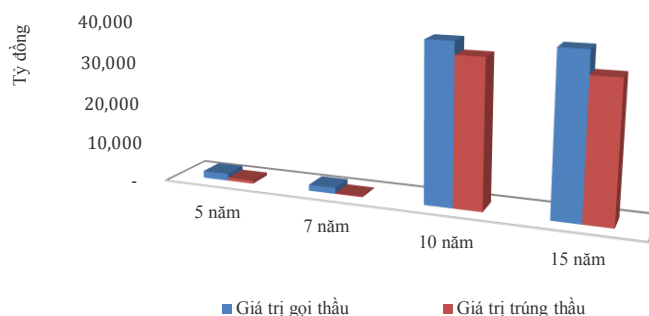
Chi NSNN 2 tháng 2022 và 2 tháng 2023



Nguồn: TCTK

Trong 2 tháng đầu năm 2023, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 69.427 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 80.250 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 86,51%, cao hơn so với tỷ lệ 65,58% của cùng kỳ năm trước. Như vậy, sau 2 tháng đầu năm, Kho bạc Nhà nước huy động được hơn 64% khối lượng trái phiếu Chính phủ dự kiến phát hành trong quý I, tương đương hơn 17% kế hoạch năm 2023.

Giá trị trúng thầu và gọi thầu qua các kỳ hạn trong 2 tháng đầu năm 2023



Nguồn: hnx.vn

Kết thúc tháng 2, lãi suất trúng thầu của trái phiếu Chính phủ giảm trong khoảng 0,5

- 0,6 điểm phần trăm so với cuối năm trước. Hiện lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm là 3,65%/năm, kỳ hạn 7 năm là 3,8%/năm, kỳ hạn 10 năm nằm trong khoảng 4,07% - 4,2%/năm, kỳ hạn 15 năm nằm trong khoảng 4,27% - 4,4%/năm.

**Một số VBPL chính sách quan trọng về quản lý ngân sách
được ban hành trong 2 tháng đầu năm**

Nghị quyết số 82/2023/QH15 ngày 09/01/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn vay lại năm 2022 của các địa phương, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2021 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài, điều chỉnh dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động chưa sử dụng hết năm 2021 của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan, chuyển nguồn kinh phí công tác phòng, chống dịch Covid-19 năm 2021 của các địa phương sang niên độ ngân sách năm 2022

Theo đó, điều chỉnh giảm dự toán vốn vay lại năm 2022 của 07 địa phương, với tổng mức giảm là 1.547,8 tỷ đồng, trong đó, các thành phố: Hà Nội giảm 367,5 tỷ đồng, Đà Nẵng giảm 418,5 tỷ đồng, Cần Thơ giảm 394,3 tỷ đồng và các tỉnh: Quảng Ninh giảm 147 tỷ đồng, Quảng Bình giảm 158,7 tỷ đồng, Khánh Hòa giảm 47,8 tỷ đồng, Lạng Sơn giảm 14 tỷ đồng.

Đồng thời, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài số tiền 14.713,362 tỷ đồng; giảm dự toán chi thường xuyên năm 2021 của Bộ Tài chính số tiền là 2.268,3 tỷ đồng, trong đó, của Tổng cục Thuế là 1.134,8 tỷ đồng, của Tổng cục Hải quan là 1.133,5 tỷ đồng;...

Ngoài ra, chuyển 5.016,674 tỷ đồng nguồn ngân sách địa phương đã bố trí cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 năm 2021 còn dư của 24 địa phương sang niên độ ngân sách năm 2022 để chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng quy định.

Quyết định số 74/QĐ-BTC ngày 19/01/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn vay lại năm 2022 của các địa phương

Cụ thể, giảm dự toán vốn vay lại năm 2022 của 07 địa phương, với tổng mức giảm là 1.547,8 tỷ đồng, trong đó: Thành phố Hà Nội giảm 367,5 tỷ đồng, Thành phố Đà Nẵng giảm 418,5 tỷ đồng, Thành phố Cần Thơ giảm 394,3 tỷ đồng và các tỉnh Quảng Ninh giảm 147 tỷ đồng, Quảng Bình giảm 158,7 tỷ đồng, Khánh Hòa giảm 47,8 tỷ đồng, Lạng Sơn giảm 14 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, tăng dự toán vốn vay lại năm 2022 của 07 địa phương, số tiền 226 tỷ đồng, trong đó, Thành phố Hải Phòng tăng 20,2 tỷ đồng và các tỉnh: Bắc Kạn tăng 33,7 tỷ đồng, Phú Thọ tăng 7,3 tỷ đồng, Yên Bái tăng 55,7 tỷ đồng, Hải Dương tăng 83,8 tỷ đồng, Nam Định tăng 22,1 tỷ đồng, Bắc Giang tăng 3,2 tỷ đồng...

Quyết định số 51/QĐ-TTg ngày 06/02/2023 về việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương năm 2022 cho Bộ Giao thông Vận tải

Theo đó, Bộ Giao thông Vận tải được bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương năm 2022 với số tiền 31.392 tỷ đồng. Số vốn trên dùng để bố trí kế hoạch vốn cho 05 dự án đã được Quốc hội cho phép chuyển từ vốn vay về cho vay lại, bảo lãnh Chính phủ thành vốn cấp phát ngân sách Nhà nước.

05 dự án gồm: 01 dự án do Tổng công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam làm chủ đầu tư (cao tốc Hà Nội - Hải Phòng) và 04 dự án do Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam làm chủ đầu tư (cao tốc Nội Bài - Lào Cai, cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây và cao tốc Bến Lức - Long Thành).

Quyết định số 141/QĐ-TTg ngày 22/02/2023 về việc điều chỉnh dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động chưa sử dụng hết năm 2021 của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan

Theo đó, giảm dự toán chi thường xuyên năm 2021 của Tổng cục Thuế là 1.134,8 tỷ đồng; tăng tương ứng dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của Tổng cục Thuế là 1.134,8 tỷ đồng; đồng thời chuyển nguồn số kinh phí này sang năm 2023 để thực hiện đầu tư 59 dự án của Tổng cục Thuế, thời gian giải ngân đến hết ngày 31/12/2024.

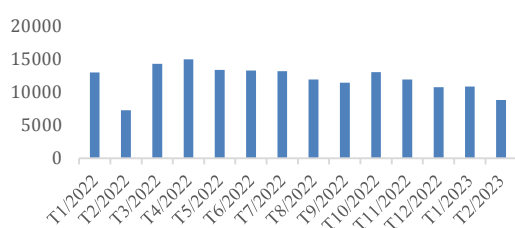
Ngoài ra, giảm dự toán chi thường xuyên năm 2021 của Tổng cục Hải quan là 1.133,5 tỷ đồng; tăng tương ứng dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của Tổng cục Hải quan là 1.133,5 tỷ đồng; đồng thời chuyển nguồn số kinh phí này sang năm 2023 để thực hiện đầu tư 36 dự án của Tổng cục Hải quan, thời gian giải ngân đến hết ngày 31/12/2024.

4. Tình hình doanh nghiệp

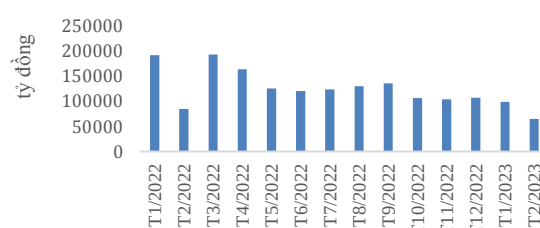
Trong tháng 01/2023, cả nước có 10,8 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 99,1 nghìn tỷ đồng, tăng 0,7% về số doanh nghiệp, giảm 7,5% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Bước sang tháng 02/2023, cả nước có 8.841 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 65,6 nghìn tỷ đồng, tăng 21,4% về số doanh nghiệp, giảm 23,1% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2023, cả nước có 19,7 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 164,7 nghìn tỷ đồng, giảm 3% về số doanh nghiệp, giảm 40,7% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 2 tháng đạt 8,4 tỷ đồng, giảm 38,9% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 18,2 nghìn, giảm 18,6% so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp thành lập mới



Vốn đăng ký kinh doanh mới



Nguồn: TCTK

Theo khu vực kinh tế, trong 2 tháng đầu năm 2023 có 198 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 37,3% so với cùng kỳ năm trước; 4,7 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, giảm 10,2%; 14,8 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 0,3%.

Trong 2 tháng đầu năm, trên cả nước có 38,8 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước; 9,4 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 5,8%; 3,2 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 1,6%.

Các doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy; công nghiệp chế biến, chế tạo; xây dựng; kinh doanh bất động sản; vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; sản xuất, phân phối, điện, nước, gas;...

**Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể
và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn**



Nguồn: TCTK

**Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng
được ban hành trong 2 tháng đầu năm**

Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030

Theo đó, mục tiêu cụ thể của Chiến lược như sau: 100% người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu, đủ điều kiện đều được tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ tài chính do Ngân hàng Chính sách xã hội cung cấp; Tỷ lệ nợ quá hạn dưới 2%/tổng dư nợ; Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, hiện đại hóa ngân hàng; Hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu lực hệ thống kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

Bên cạnh đó, các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện bao gồm: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật; Tổ chức các cuộc vận động vì người nghèo đến các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cá nhân để huy động bổ sung nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội;...

Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 17/01/2023 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2023

Chỉ thị xác định 7 nhóm mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát của ngành Ngân hàng trong năm 2023, bao gồm:

Một là, điều hành chính sách tiền tệ chắc chắn, chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát mục tiêu năm 2023 bình quân khoảng 4,5%, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý. Năm 2023, định hướng tín dụng tăng khoảng 14-15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế.

Hai là, kiểm soát tăng trưởng tín dụng hợp lý nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, hướng nguồn vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, nhất là lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Triển khai với nỗ lực cao nhất các nhiệm vụ của ngành Ngân hàng tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia.

Ba là, triển khai quyết liệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”; đẩy mạnh công tác xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh nhằm bảo đảm tỷ lệ nợ xấu nội bảng ở mức dưới 3%; tập trung triển khai chỉ đạo các cấp có thẩm quyền về việc cơ cấu lại, xử lý các TCTD yếu kém, bảo đảm ổn định tình hình hoạt động và hỗ trợ các TCTD này từng bước phục hồi. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý đối với các TCTD; trong đó tập trung chỉ đạo TCTD tăng cường minh bạch trong hoạt động, khắc phục tình trạng sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định, rà soát, xử lý và ngăn ngừa tình trạng sở hữu chéo tại các TCTD. Tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác thanh tra, giám sát đối với

các TCTD.

Bốn là, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM), đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng gắn với đảm bảo an ninh, an toàn; tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện cho việc cung ứng các mô hình kinh doanh mới, sản phẩm, dịch vụ tiện ích, an toàn đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Năm là, tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật thị trường trong việc chấp hành chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc NHNN và các quy định trong hoạt động ngân hàng.

Sáu là, cải cách mạnh mẽ quy định, thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Bảy là, tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược tài chính toàn diện Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các Chương trình/Kế hoạch hành động và các Đề án của Ngành đã ban hành.

Thông tư số 12/2023/TT-BTC ngày 10/02/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 107/2020/TT-BTC hướng dẫn giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ từ nguồn ngân quỹ Nhà nước tạm thời nhàn rỗi của Kho bạc Nhà nước

Theo đó, bổ sung hình thức giao kết Hợp đồng khung và phụ lục hợp đồng của các giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ (TPCP) giữa Kho bạc Nhà nước (KBNN) và ngân hàng thương mại (NHTM).

Cụ thể, ngoài được giao kết bằng văn bản giấy (có đầy đủ dấu và chữ ký trực tiếp của người có thẩm quyền đại diện các bên thực hiện hợp đồng) theo quy định hiện hành, Hợp đồng khung và phụ lục hợp đồng có thể được giao kết bằng văn bản điện tử (được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định).

Bên cạnh đó, bổ sung quy định về tiền lãi danh nghĩa TPCP. Trường hợp KBNN nhận được tiền lãi danh nghĩa TPCP trong thời gian mua lại có kỳ hạn TPCP, KBNN có trách nhiệm hoàn trả số tiền lãi danh nghĩa TPCP đã nhận được cho các NHTM theo mã TPCP mà KBNN nhận được tiền lãi danh nghĩa.

Việc hoàn trả tiền lãi danh nghĩa TPCP được thực hiện bên ngoài hệ thống giao dịch công cụ nợ của Sở Giao dịch Chứng khoán; thời điểm hoàn trả lãi danh nghĩa do hai bên tự thống nhất, nhưng không được muộn hơn 5 ngày làm việc, kể từ ngày thực thanh toán lãi trái phiếu.

Ngoài ra, trường hợp chuyển tiền lãi danh nghĩa chậm, KBNN có trách nhiệm thanh toán tiền phạt chậm thanh toán cho NHTM đối với số ngày chậm thanh toán theo mức lãi suất phạt chậm thanh toán theo quy định.

Quyết định số 181/QĐ-NHNN ngày 10/02/2023 về việc công bố báo cáo định kỳ quy định tại Thông tư số 20/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố 01 báo cáo định kỳ quy định tại Thông tư số 20/2022/TT-NHNN ngày 30/12/2022 hướng dẫn hoạt động chuyển tiền một chiều từ Việt Nam ra nước ngoài và thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vắng lai khác của người cư trú là tổ chức, cá nhân.

Cụ thể, Báo cáo về tình hình mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài của người cư trú là tổ chức cho mục đích tài trợ, viện trợ ra nước ngoài. Báo cáo được thực hiện định kỳ hàng tháng bởi các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối.

Quyết định số 193/QĐ-NHNN ngày 10/02/2023 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

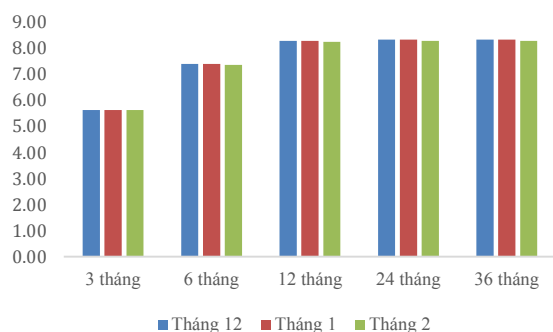
**Lãi suất
huy động
bình quân
đã giảm
nhẹ**

Qua 2 tháng giao dịch, lãi suất huy động bình quân trong nền kinh tế đã giảm nhẹ trên toàn hệ thống. Diễn biến giảm đã xuất hiện ngay từ tháng khởi đầu năm, diễn ra chủ yếu trong khối NHTM CP. Số liệu khảo sát cho thấy lãi suất huy động bình quân kỳ hạn từ 6 tháng trở lên trong khối NHTM CP đã giảm giao động trong khoảng 0,07 – 0,13 điểm phần trăm trong tháng 1/2023 với khoảng 05 ngân hàng điều chỉnh giảm. Bước sang tháng 2, lãi suất huy động trong nền kinh tế tiếp tục giảm ở tất cả các kỳ hạn, diễn ra tại nhiều ngân hàng trong hệ thống, giao động trong khoảng từ 0,01 – 0,29 điểm phần trăm.

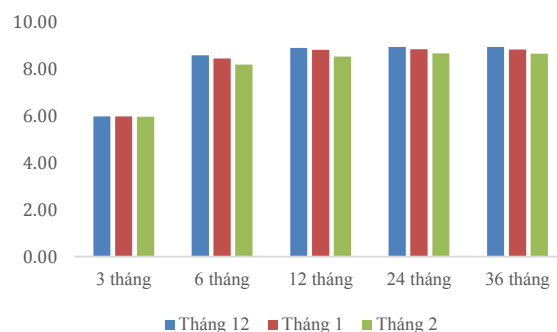
Trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước, 04 ngân hàng lớn đã duy trì ổn định lãi suất huy động trong 02 tháng giao dịch so với cuối năm 2022. Kết thúc tháng 2, lãi suất huy động kỳ hạn 3 – 6 tháng tại nhóm ngân hàng này giao động từ 5,4% – 6,1%/năm; lãi suất huy động kỳ hạn từ 12 tháng trở lên là 7,4%/năm. Trong khi đó, nhóm ngân hàng TNHH MTV đã có tín hiệu giảm do ngân hàng TNHH MTV Dầu khí toàn cầu điều chỉnh giảm 0,3 điểm phần trăm đối với lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng trở lên. Lãi suất huy động các kỳ hạn niêm yết sát với lãi suất huy động trong nhóm các NHTM CP, giao động trong khoảng 8,1% - 10%/năm đối với kỳ hạn huy động từ 6 tháng trở lên.

Trong khối NHTM CP, xu hướng giảm lãi suất đã xuất hiện rõ nét và được mở rộng ra nhiều ngân hàng trong tháng 2/2023 với mức điều chỉnh giảm phổ biến từ 0,03 – 0,85 điểm phần trăm. Tính đến cuối tháng 2, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng giao động từ 5,7% – 6%/năm; kỳ hạn 6 tháng từ 6,7% – 9%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên giao động từ 7,1% – 9,5%/năm.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Nhà nước (%)



Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần (%)



Nguồn: tổng hợp

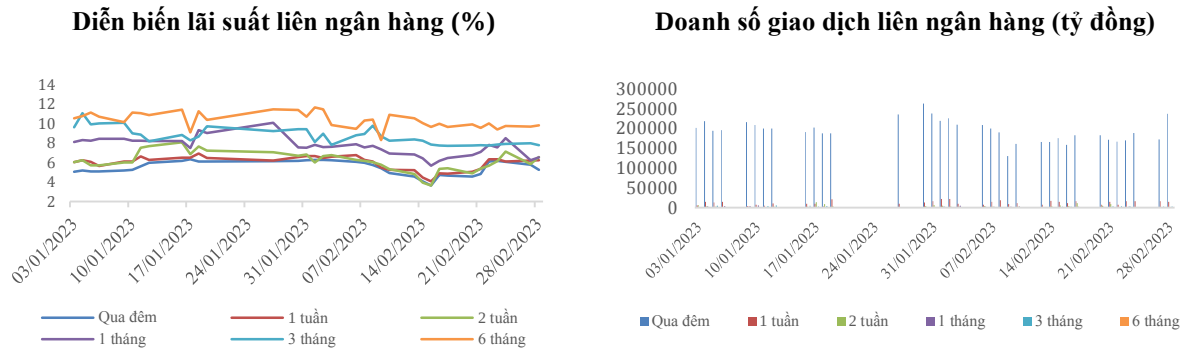
Tính đến cuối tháng 2/2023, mặt bằng lãi suất trên thị trường đã ổn định và có xu hướng giảm. Lãi suất cho vay bình quân phát sinh mới đã giảm khoảng 0,43%/năm (so với cuối năm 2022); đã có 22 NHTM giảm lãi suất cho vay bình quân. Hiện lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên ở mức 5,5%/năm. Bên cạnh đó, lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3 – 6%/năm; lãi suất cho vay USD ngắn hạn phổ biến ở mức 3 – 4,5%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,2 – 6%/năm.

**Lãi suất
liên ngân
hàng tiếp
tục tăng**

Lãi suất liên ngân hàng ở phần lớn các kỳ hạn tiếp tục tăng mạnh trong tháng 1, ngoại trừ diễn biến giảm và không đổi của kỳ hạn 3 tháng và 12 tháng. Lãi suất đã tăng giao động từ 1,58 – 2,06 điểm phần trăm đối với các kỳ hạn ngắn (qua đêm, 1 tuần, 2 tuần

nhưng đã có tín hiệu giảm trong tháng 2

và 1 tháng). Trong đó, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn từ qua đêm – 2 tuần đều đã lớn hơn 6% vào cuối tháng 1/2023. Mặc dù vậy, xu hướng tăng của lãi suất liên ngân hàng đã chấm dứt trong tháng 2, diễn biến giảm đã xuất hiện bao trùm các kỳ hạn, ngoại trừ kỳ hạn 12 tháng, với mức giảm giao động từ 0,26 – 1,64 điểm phần trăm. Như vậy sau 2 tháng giao dịch, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn từ qua đêm - 01 tháng vẫn tăng so với cuối năm 2022, giao động trong khoảng từ 0,8 – 1,61 điểm phần trăm; lãi suất có xu hướng giảm đối với kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng và không thay đổi đối với kỳ hạn 12 tháng. Kết thúc tháng 2, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn (qua đêm – 1 tháng) giao động từ 5,24% – 6,55%/năm; lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 3 tháng trở lên giao động ở mức 7,76%/năm – 9,81%/năm.



Nguồn: NHNN

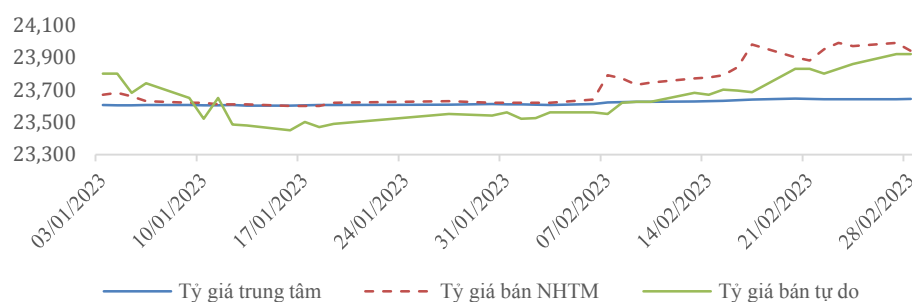
Tỷ giá USD/VND diễn biến phù hợp

Trong 2 tháng đầu năm 2023, tỷ giá USD/VND có diễn biến phù hợp với xu hướng quốc tế. Theo đó, tỷ giá trong nền kinh tế đã tăng sau 02 tháng giao dịch nhưng ghi nhận diễn biến trái chiều qua mỗi tháng. Tỷ giá tiếp tục duy trì xu hướng giảm của cuối năm ngoái trong tháng 1/2023 và đồng loạt tăng vào tháng 2/2023. Cụ thể, tỷ giá trung tâm đã giảm nhẹ 0,01% và tăng 0,15%. Kết thúc 02 tháng giao dịch, tỷ giá trung tâm đã tăng 0,14% so với cuối năm ngoái, tương đương với 32 đồng. Tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng/giảm trong biên độ phổ biến là 0,01%/ngày giao dịch và cũng ghi nhận nhiều ngày không thay đổi. Kết thúc tháng 2, tỷ giá trung tâm niêm yết ở mức 23.644 USD/VND. Bên cạnh đó, tỷ giá mua và bán tham khảo tại Sở giao dịch NHNN cũng không thay đổi so với cuối năm 2022, niêm yết ở mức 23.450 – 24.780 USD/VND (mua vào - bán ra).

Tỷ giá giao dịch tại các NHTM và thị trường tự do cũng có diễn biến tương tự. Theo đó, sau 2 tháng giao dịch tỷ giá (mua vào - bán ra) của Vietcombank và Eximbank đã tăng giao động trong khoảng từ 0,81% – 0,95%. Cụ thể, tỷ giá giao dịch của Vietcombank và Eximbank theo số liệu khảo sát đã giảm lần lượt là 0,21% và 0,56% đối với chiều mua vào và giảm 0,46% và 0,55% đối với chiều bán ra trong tháng 1/2023 và tăng giao động trong khoảng từ 1,16% – 1,4% cả ở hai chiều mua và bán trong tháng 2/2023.

Tỷ giá trên thị trường tự do cũng có diễn biến cùng chiều, tỷ giá giao dịch (mua vào - bán ra) trên thị trường theo số liệu khảo sát đã tăng 0,45% – 0,62% sau 02 tháng giao dịch đầu năm 2023. Tính đến ngày 28/2, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do vào thời điểm khảo sát là 23.820 – 23.920 USD/VND (mua vào – bán ra).

Diễn biến tỷ giá VND/USD

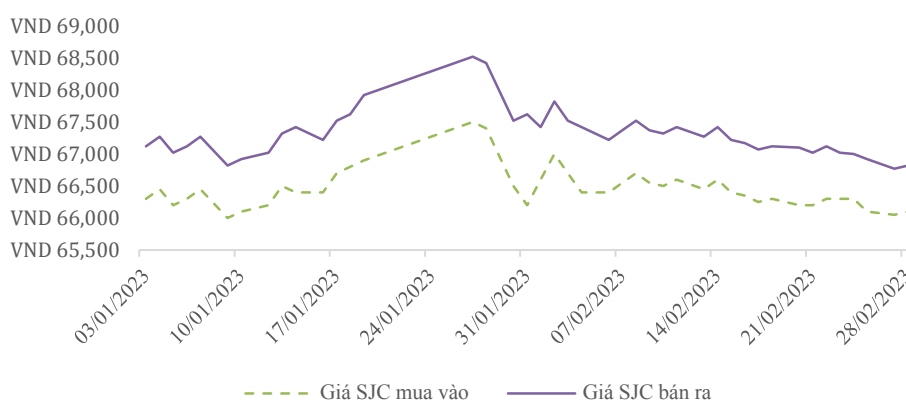


Nguồn: NHNN

Giá vàng trong nước có diễn biến cùng xu hướng với quốc tế nhưng mức độ biến động thấp hơn đáng kể

Trong 2 tháng đầu năm 2023, giá vàng SJC theo số liệu khảo sát cho thấy đã có diễn biến tăng 0,32% và 0,91% (mua vào - bán ra) trong tháng 1 và đảo chiều giảm 0,14% – 1,18% (mua vào - bán ra) trong tháng 2. Diễn biến của giá vàng trong nước đã có diễn biến cùng chiều với giá vàng quốc tế nhưng mức độ biến động vẫn thấp hơn đáng kể. Theo quy luật, giá vàng trong nước cũng có xu hướng tăng trước ngày vía Thần Tài, giá vàng cũng đã có được mức giá bán giao dịch cao mới trên 68 triệu đồng/lượng. Tuy nhiên, trước diễn biến giảm của giá vàng thế giới, mức giá cao này đã không được bảo vệ vào cuối tháng. Bước sang tháng 2, giá vàng tiếp tục có diễn biến giảm là chủ yếu, theo đó mức giá bán giao dịch vào cuối tháng 1 trên 67 triệu đồng/lượng cũng đã giảm xuống ngưỡng trên 66 triệu đồng/lượng vào cuối tháng. Chênh lệch giá mua vào và bán ra được duy trì khá cao, phổ biến ở mức 820.000 đồng/lượng. Giá vàng trong nước cao hơn giá vàng thế giới, giao động trong khoảng từ 12 – 14 triệu đồng/lượng trong 2 tháng giao dịch, tương đương với mức chênh lệch vào thời điểm cuối năm 2022. Kết thúc tháng 2, số liệu khảo sát cho thấy giá vàng SJC giao dịch ở mức 66,10 – 66,82 triệu đồng/lượng.

Diễn biến giá vàng trong nước



Nguồn: sjc.com.vn

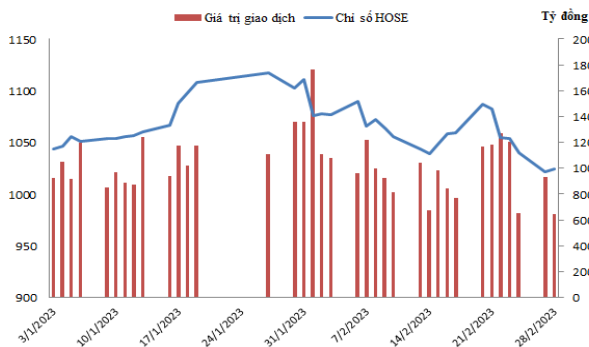
Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng 1,7% so với cuối năm ngoái

Trong 2 tháng đầu năm, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng có xu hướng tương đồng với thị trường quốc tế. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 2, chỉ số VN-Index tăng 1,7% so với cuối năm ngoái, đạt 1.024,68 điểm. Trong đó, chỉ số VN-Index tăng 10,34% trong tháng 1 và giảm 7,78% trong tháng 2.

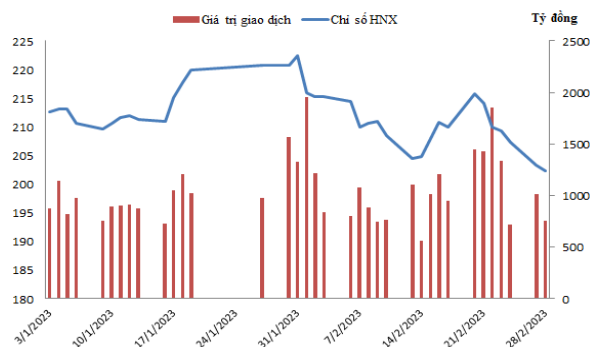
Bên cạnh đó, chỉ số HNX-Index đạt 202,38 điểm, tăng 8,34% trong tháng 1 và giảm 9,01% trong tháng 2, chốt tháng 2 giảm 1,43% so với cuối năm trước. Và chỉ số

UPCOM-Index ghi nhận diễn biến tích cực nhất khi tăng liên tục trong cả 2 tháng đầu năm, tăng 5,85% trong tháng 1 và tăng 0,79% trong tháng 2, chốt tháng 2 tăng 6,69% so với cuối năm trước lên mốc 76,44 điểm.

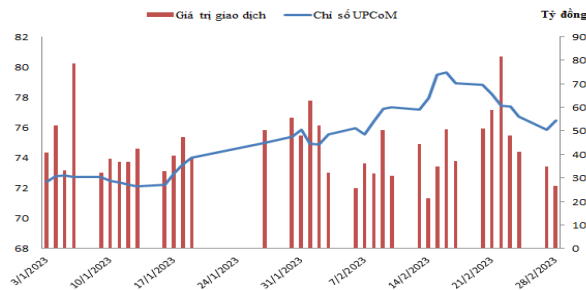
Diễn biến chỉ số HOSE 2 tháng đầu năm 2023



Diễn biến chỉ số HNX 2 tháng đầu năm 2023



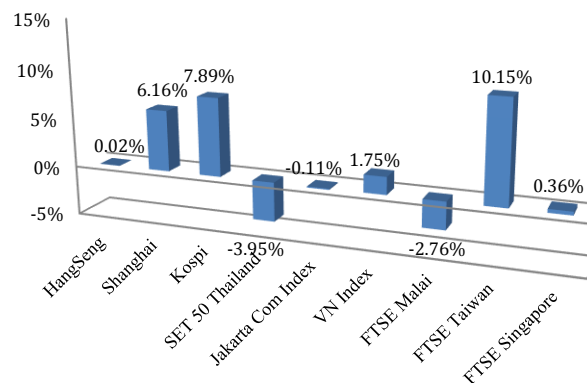
Diễn biến chỉ số UPCOM 2 tháng đầu năm 2023



Nguồn: stockbiz.com

Trong khu vực, Việt Nam cũng thuộc nhóm các thị trường chứng khoán có diễn biến tăng sau 2 tháng đầu năm, tuy nhiên, mức tăng còn khiêm tốn so với một số nước khác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan.

Mức biến động của một số chỉ số chủ chốt khu vực Châu Á 2 tháng đầu năm 2023

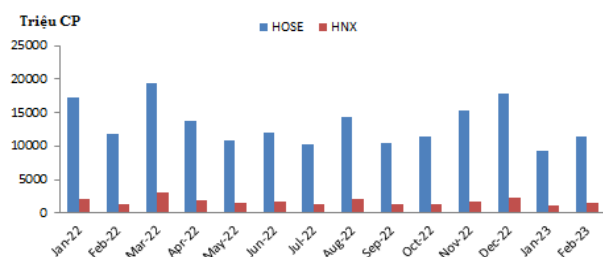


Nguồn: Bloomberg

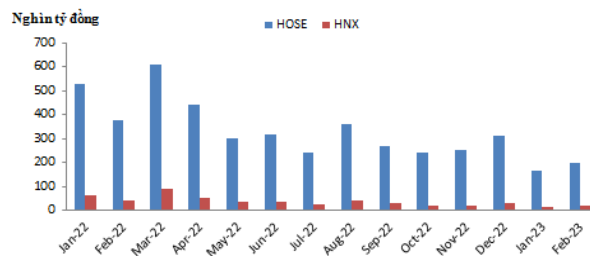
Thanh khoản trên thị trường diễn biến kém sôi động trong tháng 1 và khởi sắc hơn trong tháng 2. Trong tháng 1, tổng khối lượng giao dịch trên 02 sàn giao dịch chính thức giảm 48,05% so với tháng 12/2022 còn 10,37 tỷ cổ phiếu và tổng giá trị giao dịch

giảm 45,95% xuống còn 183,97 nghìn tỷ đồng³. Sang tháng 2, thị trường diễn biến sôi động hơn khi tổng khối lượng giao dịch tăng 23,21% so với tháng 1 lên 12,77 tỷ cổ phiếu với tổng giá trị giao dịch tăng 20,62% lên 221,91 nghìn tỷ đồng⁴. Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch nhiều nhất trên sàn HOSE trong tháng 2 gồm HPG, NVL, VPB, STB, VND...

Khối lượng giao dịch giai đoạn 1/2022 - 2/2023



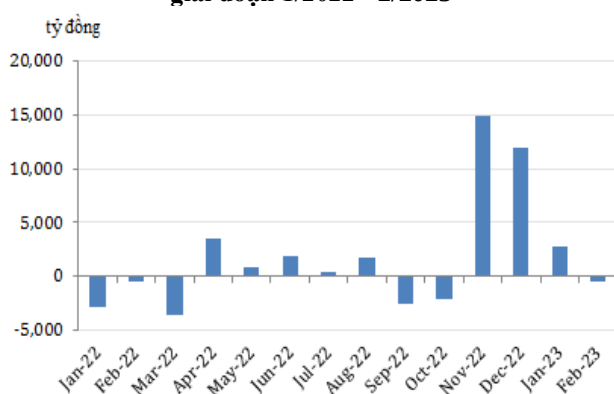
Giá trị giao dịch giai đoạn 1/2022 - 2/2023



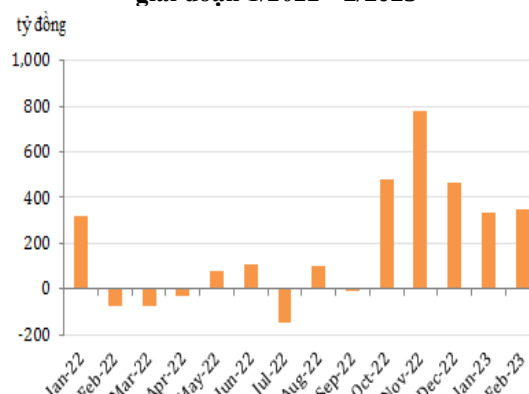
Nguồn: stockbiz.com

Nhà đầu tư nước ngoài đã tích cực mua ròng trong tháng 1 với tổng giá trị 3.036,88 tỷ đồng và bán ròng trong tháng 2 với tổng giá trị 221,28 tỷ đồng. Trong đó, trên sàn HOSE, khối ngoại đã mua ròng 2.702,44 tỷ đồng trong tháng 1 và bán ròng 571,86 tỷ đồng trong tháng 2. Trên sàn HNX, giao dịch của khối ngoại trở thành điểm sáng khi mua ròng liên tục trong 2 tháng với giá trị 334,44 tỷ đồng trong tháng 1 và 350,58 tỷ đồng trong tháng 2, kéo dài chuỗi 5 tháng mua ròng liên tục kể từ tháng 10/2022.

**Khối ngoại mua bán ròng trên HOSE
giai đoạn 1/2022 - 2/2023**



**Khối ngoại mua bán ròng trên HNX
giai đoạn 1/2022 - 2/2023**



Nguồn: stockbiz.com

Tính đến hết ngày 28/02/2023, giá trị vốn hóa thị trường trên sàn HOSE đạt hơn 4,086 triệu tỷ đồng, giảm 7,83% so với tháng trước và tăng 1,72% so với cuối năm 2022, tương đương 43% GDP năm 2022.

³ Trên sàn HOSE, khối lượng giao dịch đạt 9,28 tỷ cổ phiếu với giá trị giao dịch đạt 167,91 nghìn tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối lượng giao dịch đạt 1,09 tỷ cổ phiếu với giá trị giao dịch đạt 16,06 nghìn tỷ đồng.

⁴ Trên sàn HOSE, khối lượng giao dịch đạt 11,35 tỷ cổ phiếu với giá trị giao dịch đạt 200,23 nghìn tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối lượng giao dịch đạt 1,42 tỷ cổ phiếu với giá trị giao dịch đạt 21,68 nghìn tỷ đồng.